ARC. HOAN 5 23

Bản tôi phiên âm và chép tay

Paris tháng 9 năm 1952

Hay

HÀ-ĐÔNG HÀ-TÂY

TRƯƠNG THÔI HÀN~CHU

CỔ TRUYỆN

河東河西張催周韓 古傳

BULAC

HÀ-ĐÔNG HÀ-TÂY TRƯỜNG CHU THÔI HÀN CỔ-TRUYỆN
河東河西張周催韓古傳(1)

Nhập đề

Hoá-nhi đúc một chữ tình,
Trần-duyên ai kẻ lọt vành ái-ân. 塵緣
Đã rằng tài-tử giai-nhân,
Dãi riêng chữ sắc, cầm phần chữ danh.
Anh-hùng giữ (守) lấy nghĩa tình,
Thuyền-quyên cứ một tấm trinh làm đầu.
= Nhân khi nhàn-hạ thư-lâu,
Thấy trong truyện cũ, diễn vào quốc-âm.

Trương, Thôi

Trương-công quê ở Hà-đông, 張公河東
Hà-tây cũng có Thôi-công bạn hiền. 催公河西
Đồng-song những thuở bút-nghiên, 同窗
Đồng-triều cũng lại sánh chen sân rồng.
Ngôi cùng đều chức tam-công, 三公
Một lòng phụ-chính ngoài trong làu-làu.
Hai ông tuổi (歲) hạc càng cao,
Bi-hùng mong-mỏi ứng vào giấc tiên (14) 羆熊
Rằng: « Hai ta nặng một nguyền,
» Lánh bên phi-nghĩa, về bên công-bằng. 非義
» Thưởng thì khuyên, phạt thì trừng,
» Phù nghiêng, chữa lệch, lòng hằng cúc cung 鞠躬

(1) Ở ngoài lại đề 語傳 (Landes, Manuscrits. Poèmes et Poésies annamites. 3 – 516)

» Quán, cầu, đâu cũng hưng-công, 興功
» Đói cho chẩn-cấp phủ trong, huyện ngoài.
» Nguyền xin cùng có con trai,
» Bổ công giúp nước, bõ tài cứu dân. »

Sinh con trai: Trương Ân, Thôi Huệ

Tấm thành cũng thấu quỉ-thần,
Lên tâu Thượng-đế ân-cần kẻo oan.
Tâu rằng: « Thấy có hai quan,
» Trương, Thôi, hai họ, thân đoan, tâm thành. 身端(正)
» Lọn mình một tấm ngay lành,
» Vun (捹) nên cây đức, đắp thành nền nhân.
» Tuổi vừa nhĩ-thuận tới tuần, 耳順
» Sợ câu "di đại" có phần toan lo. 遺大
» Bao-hàm xin giáng phúc cho, 包含
» Chí-công chi để ai ma (麻)(1) kêu oan. » 至公 v

2a

– Phán rằng: « Những sự trần-gian,
» Đã đành (停) chức-chưởng phó quan Đẩu, Tào. 職掌, 斗曹.
» Chẳng cần phúc-đức làm sao?
» Tiểu-thần sao lại thấy vào kêu đây? » 小神
Đẩu, Tào lấy sổ tra ngay, 斗曹
Trương, Thôi hai họ, số nầy vãn-sinh. 晚生
Tuần nầy dục-tú chung-anh, 毓秀鍾英
Thiện hữu thiện báo, giáng-sinh tú-tài. 善有善報.

(1) vần A, O. xem 75

Thân-niên vừa tiết xuân lai, 申年
Hai nhà ứng mộng cả hai mới kì!
Cùng sinh ra được nam-nhi,
Diện phương, nhĩ đại, dị-kì thế-nhân. 面方耳大異奇世人
Một chàng tên đặt Trương Ân, 張恩.
Một chàng Thôi Huệ thanh-tân khác thường.
Mai sau đành bực đống-lương,
Mừng thay lão-bạng rõ-ràng sinh châu. 老蚌生珠

Trường Thôi về hưu, vua Khuyến nên dạy con

Trải bao thu-cúc, xuân-đào,
Đồng-mông sớm đã ra vào rừng nho. 童蒙
2b
Giàu sang phúc-trạch trời cho, 福澤
Mong con "khuê táo sung lư" bõ lòng. 跨灶充閭
Trương-công ngỏ với Thôi-công,
Rằng: « Hai ta một chữ đồng từ xưa. 同
» Đồng-niên, đồng-học, đồng-khoa,
» Đồng-triều, đồng-chí, lại là đồng-thân. 同親
» Nay mừng thất-thập vừa tuần,
» Lộc trời đã lắm, quân-ân đã nhiều.
» Về làng hạc cưỡi, tiền đeo (?), (1)
» Giang-hồ nhàn-tản tiêu-dao thích tình. »
Cùng nhau vào trước long-đình, 龍庭

(1) xem 221

Tâu xin trí-sự qui trình dưỡng thân. 歸程養身.
Ngự nghe, hạ chỉ (旨→旨) ân-cần.
Minh-quân đã xứng lương-thần đã cam. 明君良臣
Hoạn thành, danh lập, tiếng thơm; 宦成名立
Hoàn danh, hoàn phúc tiếu-đàm ngợi-khen.
Rày đà Vĩnh-lạc nguyên (天→元) niên, 永樂
Dạy con kinh sử cho nên nhân-tài.
3a Phán xem đôn-tố con nòi, 敦素.
Khen rằng: « Hiếu tử, hai người hơn cha.
» Kim, ngân, ~~tá~~ cẩm, tú, ban cho, V
» Phần già, phần trẻ, gọi là tặng-ban.
» Khen tài đã đáng đống-lương,
» Đồng-tâm, đồng-đức, trị trường vương-cương. 治長王綱
» Long vân, ngư thủy nhất đường, 一堂
» Nước càng thêm thịnh, năm càng thêm xuân.
» Lại khen tận đạo sự quân 事君.
» Dạy con ắt hẳn trung-thần nhất môn. »
Hai người cảm-tạ thiên-ân,
Kê thủ bách bái ân-cần qui tâu: 稽首百拜.
« Ơn trên chức trọng công hầu,
» Phụng công thủ pháp nặng đầu dường đeo (扣s). 奉公守法
» Thấm (浸) nhuần đức Thuấn, nhân Nghiêu,
» Chúng-tôi ngu-thiển đội nhiều thiên-ân.

» Gọi thơm rưới khắp tông-thân, 宗親 H
» Bệ rồng được dự, hương-lân được về. 鄉鄰
4b » Của ban châu-báu mọi bề,
» Minh tâm, khắc cốt nào hề dám quên. »
Quân thần dạ mọi (寫每) cầu-nguyện,
Cùng nhau lĩnh mệnh ngự-tiền phát ban.

Hai ông trảy về quê, cùng mất

Rủ nhau lên võng, gác an(鞍)
Dù xanh, tán tía, dân-gian rước chào.
Kẻ rằng: « Cảm đức quan cao. »
Kẻ rằng: « Người được dồi-dào thiên-ân. »
Đua nhau rước huệ, mừng lan, H
Kẻ tô cảnh lạ, người sơn (山)[1] thú mầu.
Kìa nơi Lã Vọng ngồi câu,
Hay nơi Huyền-đức đi cầu Khổng-minh.
Kìa nơi cầu được Vương-sinh 王生
Hay nơi Vương Doãn ra nghênh Điêu-thuyền. 王允 才嬋
Kìa nơi Ngư-phủ Đào-nguyên,
Hay nơi Ngu Thuấn ngũ-huyền ngâm-nga 五絃
Mảng vui non nước lần-la,
Ngựa câu nhẹ vó tới nhà, nào hay.

4a Tháng dư, mở tiệc vui-vầy,

(1) xem 3/a

(xem tg 6 sau 7)
(xem tg sau trước)

« Phép trong tang-phục giữ-giàng,
» Nằm rơm gối đất mở đường xưa sau.
» Trước cam công nặng cù-lao,
» Sau yên kẻ khuất xa cao mấy chầy.
» Đôi phen, từ-mẫu Hà-tây 慈母
» Nghĩa chồng, nghĩa bạn khôn hay (台) đổi dời.
» Con người nào khác con người (䏧)
» Tóc-tơ cặn-kẽ ([illegible]) dám rơi hôm mai. »
- Than rằng: « Trời rộng, đất dày,
» Lấy chi báo đức đêm ngày cho cam.
» Dại-ngây nguyện-gươi đa thâm 多慚
» Bể sinh-dưỡng ấy xem làm Thái-sơn 泰山
» Một mình toan thiệt tình hơn,
» Lấy chi giả nghĩa, đền ơn sinh-thành.
5a » Cha về chầu Phật vân-thanh, 雲青
» Để con thơ-ấu, thiết tình, cậy đâu? 切情
» Nhớ khi gác rộng lầu cao,
» Bạc vàng đầy trước, tôi-hầu (隊→候) chật sau.
» Nhớ khi trướng gấm rủ thao ([illegible]→[illegible])
» Chăn loan, gối phượng nức màu (牟) hương nghê (猊)
» Nhớ khi ngọc-thực dâng kề, 玉食
» Cơm bưng, nước rót hằng lề sớm trưa.
» Bây-giờ tưởng lở, (呂) cửa thưa.

Mừng con, mừng tuổi, lần ngày, lần đêm.

Lần lần năm (𢆥) bước kể thêm.
Sân trình con đã tập-rèn Thánh-kinh.
Chàng Trương mười tuổi xuân-xanh,
Chàng thôi nên chín học-hành <u>lầu-thông</u>
Những mong khuya sớm nên công;
Hai ông ~~cưỡi~~ bạn hạc cưỡi rồng cùng lên.

Chàng Trương than-vãn nỗi nhà

Phu-nhân <u>hết tấc</u> lo-phiền,
Hai nhà tình cũng như in một nhà.
Mẹ thêm dần tuổi-tác già,
Con còn thơ-dại ai <u>hòa</u> cây-trồng.
Quả cây chăm-chút vun-trồng,
Phần trông bóng rợp (葉), phần mong rễ bền.
Bỗng không (俸空) <u>đốc</u> cỗi (篤桧) lở thềm (塔墻)
Non tiên xa bước, ai đến công ai.
Dù chẳng tháng <u>nhuận</u> (rộng?) 潤, ngày dài
Thi-thư <u>thủ-trạch</u> (手擇) thay lời dạy con. 手擇
Nào khi bằng-hữu giao-ngôn 交言
Nào khi <u>ba đợt</u> (墶) Vũ-môn hoá rồng.
Phần thương, phần xót [illegible] sự chồng,
Chàng Trương đoái [illegible] lại, mọi lòng <u>toan đang</u>.

xem nỗi lòng Trương

» Sương treo (潦→撩) ủ-dột, gió đưa lạnh-lùng.

» Nhớ khi thuyền nổi (船海) [汶] sanh (笙→筏) [bè] giong (拴)

» [Rước] (綽→綵) hoa đèn nguyệt giao-giong [rảo] (蹈路) ngoài thành.

» Bây-giờ bặt-bặt vắng tanh.

» Cỏ hoa lá thú, non xanh ấy nhà.

» Nhớ khi trúc dắng, tơ ca,

» Thiên hồng, vạn tử, nhởn-nhơ khoe mầu. 千紅萬紫

» Bây-giờ đêm lắn, ngày thâu,

» Đèn tàn, hương lạnh, ve sầu, dế kêu.»

56 Chàng Trương với Thôi mời hai bà mẹ đến ở chung, và hai người học bạn

Trương bàn với Thôi

Nghe chàng kể-lể mọi điều,

Thêm ngừng (泞), thêm tủi, [懰] trăm chiều dọt sa.

Càng thương, càng cảm thay là!

Ngây-thơ khôn kể sự nhà bắc nam. 北南

Đặt-bày các lễ dùng-làm.

? Luận ngay (宜正) nười (餒) thảo (草) bề (皮) đàm-tế chung. 禫祭

Trượng-phu chí-khí tang-bồng,

Tuổi tuy còn bé, nhưng lòng khôn-ngoan.

Nhắn chàng Thôi Huệ hỗ-toan [hằng?] (互算) (1)

Hai chàng kể-lể nhặt-khoan mọi điều:

« Cha ta cũng dự quan triều (官朝)

» Công thành danh toại, thần-liêu ai tày. 臣僚

» Người đà cưỡi hạc về tây,

(1) xem 235

» Kiệm-cần đã luận [trọn] thảo ngay việc thường.
» Lòng hằng xiết nỗi nhớ thương,
» Sự mình toan-liệu tiện phương học-hành.
» Hai ta tuy khác thân-sinh 親生
» Xưa nay đã nguyện chí-thành lập-thân. 至誠
6a » Đấy đây xa-cách chẳng gần,
» Đi về diệu-vợi (妙渭) hôn-thần xa-xôi 昏晨
» Mẹ sương-cư, và con côi. 霜居
» Những lo ai kẻ dưỡng nuôi cho cùng.
» Hai tôi muốn ở một phòng,
» Tiện đường phương-tiện một công phụng-thờ. »

Thấy lời anh dạy bây-giờ,
Trình-bày sau trước tóc-tơ sự mình.
Rằng: « Tôi từ thuở sơ-sinh,
» Lòng cha mẹ vốn thiết (切) tình xót-xa.
» Dù toan cùng ở một nhà,
» Trình thầy, trình mẹ người hòa liệu toan.
» Ta đâu giám (监) quyết khôn-ngoan,
» Mà bày sau trước cung-đoan cùng người. » 供端

Ân rằng: « Gượng [gắng] (強) định-liệu lời,
» Cùng nhau bèn mới (貝→買) gửi nơi song từ » 双慈.

Thôi rằng: « Lễ ấy hậu dư, 有餘
» Tiện bề ăn-ở, khởi-cư thông-hành (dùng?).» 起居通行 用?

Mời bà Trương

第6 Cùng nhau vào lạy huyên-đình, 萱庭
Khóc thôi, mới (貝) kể sự-tình tích-ninh (昔寧)
Thấy lời con nói trung-thành,
Đã thâm (深) mưu-lự, lại tinh chuyên-cần 謀慮
Rằng: « Hai con nghĩ xa gần,
» Thảo ngay được tiện sự kính chuyên-cần
» Con đà biết nỗi lập-thân,
» Hai con xá (舍) đến mà bàn từ Thôi (慈催)
» Lòng người nghĩ sự khoa-khôi, 科魁
Đổi Tư đức? » Già đã yên ở (安於), ~~tra~~ con thời lập-công. #
» Một đây với đấy cũng thông,
» Hà-tây ở với Hà-đông, nề (泥) gì!» 之

Mời bà Thôi

Vâng lời, tức-khắc cùng đi,
Tạ-từ bèn mới vân-vi (云爲) trình-bày: 謝辭
« Mẹ tôi cung-kính Mẹ thay!
» Mẹ già cách-trở, khôn hay tin-truyền
» Ghi lòng chung-thủy, dám quên,
» Lo con cho tiện sự bền nghiệp nhà.
a » Muốn hai con họp một tòa.

Bản lậy, tờ 7 đổi sau tờ 8

vần lưng » Già kết bạn già, trai lập chí trai. vl
» Kẻo còn cách-trở đôi nơi,
» Phụng-thờ cũng (共→拱) trẻ, thư-trai cũng (共) phiền 書齋
» Cha dù cưỡi hạc, đeo ([illegible]) tiên,
» Dầu trâm-anh lại nối thêm cân-đai. ([illegible]) »
— Thấy lời, cảm-động bồi-hồi,
Thương chồng, xót (恤) bạn, sụt-sùi ([illegible]) đắng-cay:
« Nghĩa này non thái khôn lay,
» Chị em làm bạn đêm ngày cùng nhau.
» Chẳng nề bữa cháo ([illegible]→粥), bữa rau.
» Người đã quyết vậy, gắm hầu từ-nan. 辞难.
nên? » Hai con (gắng) miễn (勉) đạo Khổng Nhan.
» Kẻo sau đèn lạnh, hương tàn, thêm thương. »
Bèn ra tới chốn linh-đường, 灵堂
vần? Gieo tiền khấn-nguyện thở-than mọi lời √
x Âm dương xin được ba đài (臺)
Cửa-nhà phó-thác người coi giữ-gìn.
7b Hẳng[1] (互) trao lời; trước hay tin.
Hà rằng có ngại dặm nghìn gần xa.
Thương? Thời cùng học một thầy, nói trong hay tài hoa
Trương-từ mừng-rỡ ([illegible]) dọn ([illegible]) nhà, 張慈.
Yên nơi cư-xả, hai bà mừng nhau.
Hai từ (慈) than-khóc trước sau.

(1) xem 171

» Hai ta, ai khó (苦), ai giàu, nào hay?
» Vì con cho tiện một thầy,
» Ở đây tưởng đấy, đêm ngày vắng con. »

Hai chàng yên chốn mực-son,
Thiên chương, vạn quyển, nào còn sót (拙) đâu.
Văn-chương ngày tháng càng mầu,
Thầy rằng: « Tài ấy tót (捽) [suốt] đầu (頭) thư-sinh. » 書生
Trong trường những đấng tài-danh,
Thấy chàng thông-thái, càng kinh, thêm nhường.
Phú-thi luyện-tập văn-chương, 賦詩
Tướng-môn xuất tướng, cột (橛 → 橛) rường hơn xưa
Vốn danh nhà (茹傍 → 〃) bạc, cửa thưa,
Họa nhờ hồng-phúc ơn thừa xót-vay (怞为)

Ba Đến khoa thi Trường Thời nhường nhau trẩy để thi.

Cùng nhau bàn-bạc riêng-tây,
Ngọc-âm xuống (帶下 → 𠁑) chiếu, hẹn ngày mở khoa. 玉音
Mây tuôn, gió cuốn gần-xa,
Bao-nhiêu sĩ-tử đều ra kinh-thành.
Thầy rằng: « Ân, Huệ, đã đành,
» Mẹ già sớm thấy công-danh thêm nhuần (潤).
» Thu-vi ắt đã tới tuần 秋闈
» Danh thơm một cửa đượm-nhuần chẳng sai. »

Từ rằng: « Ứng-thí cả hai. »

Vai

» Thôi Huệ trình trước: « Khoa này phần anh.

» Tôi xin phụng-dưỡng tại đình, 奉養在庭

» Khoa sau tôi sẽ phó-trình, vội chi. » 赴程.

— Ân rằng: « Em hãy ra thi.

» Hai thân, anh sẽ sớm khuya ([illegible]→[illegible]) phụng-thờ. »

Anh em dửa-dễ (荼杷→荼杞) dễ-dửa, 茶→荼

Đường xa; kỳ đến, mà chưa quyết rồi.

Thầy rằng: « Vững có thay (台) dời 潍.

» Sức hai con kể trao ngôi thánh hiền.

» Vậy thì con hãy trẩy tiên (徙先).

» Làm chi cho mẹ đeo phiền ấy vay!

» Kể mai gặp hội rồng mây.

Trương Ân phải cứ lời thầy trẩy đi. »

Trương Ân lẫy kinh để thi

Một chàng, với một tùy-nhi,

Túi thơ đủng-đỉnh, ra đi dặm trường.

Sớm trưa (忤→旿) dầu dọc, dầu ngang,

Đã qua Bát-cảnh, lại sang Ngũ-hồ. 八景五湖.

Chốn nào sát-sát bày-phô 察

Hay nơi Gia-cát dựng đồ Bát-môn. 諸葛,八門

Chốn nào trùng-trập hương-thôn.

Hay kho Y-Doãn chỉ-tồn thóc Chu 伊尹止存周.

Chốn nào non nước Thành-đô? 城都.
Hay nơi Sào Phủ, Hứa Do đi về? 巢父許由
Chốn nào muôn khóm (菱) xanh ghê?
Hay nơi Cẩm-lý, thơ đề chàng Chung? 錦里,鍾
Kìa ai cày-cuốc đàm-trung, 潭中
Hay nơi Ngu Thuấn vụ-nông tới kỳ? 虞舜務農
9a Kìa ai lặn-lội (沬→涞) liên-trì, 蓮池.
Hay nơi tiên xuống tấm kỳ (期) cảnh thanh?
Kìa ai xe cát dưới thành, 葛
Hay nơi Huyền-đức tập-tành phá Ngô? 訪吳.
Kìa ai niệm chữ Nam-vô,
Hay nơi Phật-tổ phát bồ-đề tâm. 菩提
Ngày nào gặp chốn tri-âm,
Thì ta gảy sắt, ca cầm, làm vui. 瑟琴
Tớ thầy khoan bước thảnh-thơi (清台)
Đường hòe, dặm liễu đưa chơi hay là.

TRƯỜNG Nghỉ chân ở Phủ họ Chu và họ Hàn

Đường trường những mảng (嗙) lân-la
Chín trăng mới đến phủ-nha Chu-thành 府衙周城
Lầu cao, gác rộng thênh-thênh.
Quí-quyền, tướng, tướng, công, khanh chẳng vừa (皮) 相將.
Trong ngoài mỗi vẻ mỗi ưa,
Gác treo cầm sắt, gió đưa hương trời.
(扌閣→閣)

Rỡ-ràng vẻ thú, đồ chơi, 趣
Kẻ dâng trà sốt (焠), người mời chén cay
Bấy-lâu bạn với cỏ-cây,
Địa linh, nhân kiệt, chốn nầy sạch trong.
Mỏi chân, thêm lại đói lòng,
Thấy nơi thắng-cảnh tìm hòng (乞→哄) nghỉ chân.

Gia-nhân mách Triệu rằng phủ có hai thiếu-nữ kén chồng và bảo chàng lánh đi.

Nha-nhân mới bảo lời rằng:
« Chốn nầy chẳng phải khách nhân (nhằng?) nghỉ nhờ. »
Chàng nghe lời nói, ngẩn-ngơ.
« Chốn nầy cấm-cách (禁格), bây-giờ nghỉ đâu? »
Rằng: « Nơi thừa-tướng phủ-lâu,
» Chu, Hàn hai họ mãn triều nhàn du. 周韓, 滿朝閒遊
» Chàng là tiện-sĩ, hàn-nho,
» Phép nghiêm ai có giám cho thị-thường. » 視常

» Trong cung, thấy (vốn, 体) có hai nường,
» Con nuôi, con đẻ, xem dường như nhau.
» Con đang ném quả, gieo cầu.
» Ngọc cần xứng ngọc, mới hầu trao tin.
» Hơi hoa-phấn, má tiền in,
» Một nhìn trăm đắm, hai nhìn nghìn say.
» Tóc mây da ngấu (膚藕) vóc tay (紵䌷)

Xem 17 sau 19 và 18

»Mày ngài bán-nguyệt, cổ bày ba ngang.
»Hai nàng cốt-cách phi-phương, 菲芳
»Một đường lạt nguyệt, hai đường chen ([illegible]) mây.
» Cùng nhau ở chốn lầu này,
» Chẳng thì chẳng khá ở đây, kịp dời.
» Dù so nữ-sắc trong đời.
» Đọ xem mấy kẻ gồm (兼) tài nương đâu. sau 兼
» Xuân-dung hiệu-ốc tên đầu (號沃) 春容
» Xuân-đông nương thứ nhiệm-mầu tốt-tươi. 春冬
» Mười ba, mười bốn một vời,
» Nguyệt phô, nguyệt ẩn, hoa khai, hoa tàn.?
» Đã nên rất phẩm hồng-nhan (紅品),
» Quá tài thục-nữ, nát (涅) gan anh-hùng.
» Mỗi điều mỗi một tinh-thông,
» Sử kinh á thánh, tác công gồm (兼) hiền. 亞聖, 則工
» Chẳng tua kịp bước xa miền,
» Cá ao chẳng (沚) khá gần bên lửa thành.
» Người ta khoe sắc, khoe danh,
» Sĩ hàn 士寒 thủ phận, dám tranh khoe tài? »

Trường gặp mưa vào miếu, thầy thợ sấm báo hầu vận cho bốn họ Trường, Chu, Thôi, Hàn

Tờ thấy bên bước chân dời.
Khi đâu chính-ngọ, mặt trời như xê (車) 正午
Ban (頒) đi nghìn dặm xa ghê.

10b

Ngâm thôi thả xuống bây-giờ,
Vô-tình ai biết lá đà thông mối. 通媒
Rõ-ràng nước chảy, hoa trôi,
Thuận dòng lá đã đưa môi đến chàng. ✓
Chàng Trương cất lấy vội-vàng,
« Thơ ai để lá bàng-dương ghẹo ai?
» Xưa nay hồng-diệp lương-môi, 紅葉 良媒
» Ba-sinh hẳn cũng duyên-trời hay sao. »

Liền tay, lật lá bộ (步) (bước?) vào, bước?
Ý vần hai lá, bộ vào hai thơ.

答春容詩 (Thơ đáp Xuân Dung)

Vốn lòng quân-tử chẳng đa-mang,
Dòng thắm thơ ai thả lá bàng. (橎→潘?)
Lẫn-quất gió đưa theo vó ký.
Hay duyên ngư thủy đã gieo tường? 詳→祥?

答春冬詩 (Thơ đáp Xuân-Đông)

Mây tan, mưa tạnh tỏ trời xanh,
Lá thắm đưa duyên lại trước dinh.
Cung quế đã đành tay bẻ quế,
Ngọc lành ắt hẳn đợi tay lành.

Để thôi đặt xuống bây giờ
Người xuôi mặc lá dửng-lờ (濘泥) lại đi.

Nhân-tình khôn biết ngọc trần bán rao! 秦-嗌
Miệng than (嘆), chân bước thấp cao,
Lo-toan đông-liễu tây-đào đã quen.
x Thiên-duyên mượn kết <u>khuôn duyên</u>
Sân sau nước chảy (dẫy 氾) thủy-tuyền thênh-thênh.
11b Bốn bề xây những đá xanh,
Bóng gương nước <u>ánh</u> (映) đường tranh in màu. H
Hai nường hứng nước nhủ nhau.
Cũng ra lội tắm; bởi đâu sự trời!
Lá bàng (榜) bỗng thấy xẩy rơi (洡),
<u>Xuân-dung</u> 春容 cất lấy, ngâm chơi một bài
Lá bàng lại giạt (溭) đến nơi (低).
<u>Xuân-đông</u> 春冬 lại thảo một bài ngâm thơ.

春 容 詩 云:

Mưa <u>hoà</u> sân ngọc nước mênh-mang,
Bỗng thấy duềnh <u>Nhâm</u> (溫壬) nổi lá bàng.
Ấy rấp gieo cầu tìm phận đẹp,
Hay duyên <u>khế-khoát</u> triệu 肇 trinh-tường. 契闊, 禎祥

春 冬 詩 云:

Sân lầu bỏ-bỏ nước trong xanh,
Lá thắm thơ đề nổi trước duềnh.
12a Dù chẳng thiên-công thì thụy-ngọc, 瑞玉
Đã đành nguyệt-lão như duyên lành.

nói ở tay trái

Thiên-đình chớp giật, Thủy-tề nước dâng. 天庭 水齊
Giữa đường khôn tiện đỗ dừng 亭
Phút trông thấy miếu, nghỉ chân ẩn vào
Càng lâu, càng mịt (mịt 沒) trận dào
Khách-nhân có thấy ai nào (飢 → 帘) vãng-lai.
Cửa đền sịch (擲) mở cánh hai;
x Đường nhìn trong ấy có ai đãi-đồng (待同)
Bên ngoài chữ viết đồng-dòng:
Bốn câu tuyệt-diệu; động lòng, ngước trông: 絶妙

詩云: 張周催韓 狀元兩族
11a 坤是合乾 君子無刋

Đọc thôi tưởng 想 khắc 格 hình-dung,
Rằng: «thân sao khéo thấu trong thế-tình»
Nghỉ (扌) chơi chưa định dữ lành
« Thế-gian trùng hiệu, trùng danh, hiếm (劍) gì.

Trước bắt được thơ của hai nàng và họa lại; thả xuôi dòng nước (thả dòng nước)

Tạnh cơn từ-tạ ra đi; 淨干 (cơn mưa
Mênh-mông những nước, đi thì gian-nan.
Cơ thấy ngơ-ngẩn lo toan,
Mỏi chân, bụng đói, cơ hàn quản bao.
Quán-nhân kia nỡ lòng nào
Chẳng bao-dung kẻ anh-hào lỡ chân.
Quyết bề dương thế, dương thân (揚).

(1) Gây ra để đọc

nói ở trang trước

Hai nàng Chu Hải đem thơ trình với cha

Hay đâu duyên-nợ cũng kì;
Ngược dòng lá lại trôi về lầu-trang. 楼粧
Lại trôi đến trước đôi nàng,
Chị em vừa mới chỉnh-trang đang ngồi. 整粧
Lá thơ đã thấy khác bài,
« ~~Đôi~~ Chốn này vắng-vẻ, có ai tư-tình? 私情
» Tay này hẳn bậc tài-danh,
» Lai-thi (來詩) hẳn khách ngoài thành chẳng không.
» Sự này phải gửi tướng-công,
» Để người chước-lượng (酌量) mới thông lẽ mầu.»
13a Chị em tức-tốc lên lầu.
Cầm hai thơ lá, khấu đầu bèn thưa:
« Nửa ngày, khi có cơn mưa,
» Chị em tôi tắm, hứng thừa ngâm-nga.
» Trong cung nghiêm-cấm ai ngờ (ờ → ỡ).
» Nhân vui thấy lá, có đề hai thơ. v
» Thả trôi ước được nửa giờ,
» Vẫn thơ ai bộ (步) bao-giờ nào hay.
» Những câu ngọc đúc, vàng xây,
» Khá (可) rằng có biết riêng-tây chốn nào?
» Ơn trên lượng rộng, tài cao,
» Cho cam kẻ hở mà đào ngây-thơ.»
Tướng-công nghe biết bây-giờ

« Sự này khá phải tình-cờ, <u>mới</u> hay !
» Những tài danh-sĩ xưa nay,
» Đường <u>hòe</u>, ngõ <u>hạnh</u> vắng lai thiếu gì. »

Bấy thôi, mới gọi gia-nhi 家兒
Đòi nha-môn lại, tức thì hỏi ngay :
« Cơn mưa đang lúc ~~giữa~~ nửa 姅 ngày,
» <u>Giai-nhân</u> có thấy những ai qua đường ? » 佳人
— Nha-môn bẩm trước tỏ tường :
« Ngọ-thì thấy có một chàng thanh-tân. 午時
» Tuổi chừng đôi bảy đang xuân,
» Xem hình-dung ấy cao-nhân khác thường
» Mong vào tìm chốn mà nương
» Thấy rằng nghiêm-cấm, vội-vàng dời chân. »
— Ông nghe, truyền dạy ~~gia~~ nha-nhân :
« <u>Đình-phó</u>, bay phải nối chân theo chàng. »
Vâng lời lập-tức lên đàng,
Vó câu nhẹ ruổi, <u>một</u> đường 羕 như bay.
Bến đò, sông nước rộng thay,
Mặt trời phút đã về tây bao giờ.
Thấy đang đứng thẫn, đứng thờ.
Nha-nhân xuống ngựa <u>phân-thưa</u> trình ~~chàng~~ rằng :
« Công-tử bạn nấy phải chăng ?

» Quan tôi mới lại đãi-đằng một khi. 待騰
14a » Làm cho phải nhọc tùy-nhi. 随兒
» Kẻo quan tôi quở, rằng thì phải coi!
» Tướng-công tôi dạy theo-đòi,
» Xui chàng kíp lại tái-hồi chốn xưa. »
— Chàng rằng: « ta đứng 蹲 hàn-nho.
» Nha-nhân phỏng có tri-cơ việc gì? » 知机
— Nha rằng: « Sai bất phân kỳ. 差不分期.
» Mượn chân vó kí ruổi đi tìm chàng. »
— Rằng: « Ta vốn khách qua đàng,
» Quấy (經→经→怪) quan chẳng có, trêu nàng thì không
» Có chi động đến tướng-công,
» Mà sai đòi-hỏi, sự lòng khôn toan. »

Trường trở lại Chu-phủ

Thốt (脫→說) thôi, bèn mới tái-hoàn,
Khấn rằng: « Cô-tử, bảo-toàn đấy cho!
» Của thừa, nhờ phúc ấm no
» Mười nguyên, trăm não (惱), nghìn lo giải ~~phiền~~ nàn.
» Gió thô đổi lấy quạt tàn, (扇)
» Đờn-hàn đổi lấy một đoàn trúc-mai. (對)
14b » Dù ai chẳng có biết ai,
» Cũng xui 吹 đức rộng, nghĩa dài, tình thâm.
» Dù khi ngọc nát, châu trầm;

Chiêu-tường, tập phúc, mà làm kẻ ngay. » 招祥集福

Những đang cầu-khẩn riêng-tây,
Trọn (論) canh vừa đến, bấy-chầy nghỉ-ngơi.
Nha-nhân vào trước thưa lời:
« Vâng đòi chàng, mới tới nơi bây-giờ. »
Trướng hoa, đèn hạnh trên tòa.
Rước chàng Công-tử vào ca trong lầu. 歌

thư
Ông Hồi biết tống-Triết Trung, biết là con bạn xưa

Chàng bèn vâng mệnh, khấu đầu
Tướng-công tiếp-đãi, cùng nhau khuyên-mời.
Chàng bèn bái-tạ vừa thôi,
Trình rằng: « Sĩ tiện xa-xôi qua đường. 士賤
» Vô tri, chẳng ([illegible]) thấu nhẽ sang ([illegible]),
» Giám ([illegible]) xin chỉ-giáo, kẻo càng sợ thay.
» Thừa nhan 承顏 một trí, một ngày
» Chước chi chàng Nghệ 羿 đến đây ([illegible]→[illegible]) cung Thiềm? »
Nhìn xem mặt-mũi phương-viên,
Gẫm rằng tài-tử hẳn nên anh-hùng.
— Rằng: « nhà già, phú-gia-ông.

15a

» Nhờ ([illegible]) công ([illegible]) nên phải rước công về nhà.
» Xuân-thu, quê-quán còn xa,
» Phiền công dẫn biết, để ta sẽ bày. »
— Trình rằng: « Quê ở Hà-tây 河西.

» Hà-đông hai chúng tôi nay sĩ-hàn.
» Trương, Thôi hai họ một đoàn,
» Cha là công-tước, mới tàn khói hương.
» Hai từ-mẫu ở một làng,
» Hai tôi cùng ở một phương của Trình
» Tôi ra ứng-thí kinh-thành
» Em tôi phụng-dưỡng môn-đình tại gia.
» Em tôi tuổi mới mười ba,
(𡱩→宅) (它→罡?)
» Tôi đã mười bốn, chín đã theo nhau.
» Anh em tuy khác hai châu,
» Trương Ân, Thôi Huệ xem hầu một sinh. »
15 b Thấy lời sau trước phân-minh.
Hàng-hàng châu lệ, hầu đành thấm 濡 khăn.
— Rằng: « Xưa, chú với hai thân 親.
» Đồng-liêu 僚, đồng-tá (同佐), việc cần hôm mai.
» Hiềm vì dao-cách 遙隔 dặm dài,
» Cho nên tin vắng, tin lai, vắng chừng.
» Hai ông rày đã vân đằng 雲騰
» Cùng Hàn thừa-hưởng khôn chừng lẽ nào.
» Thấy chàng, sảy nhớ khát-khao,
» Khác chi đại-hạn gặp dào vừa khi. »
Chương đem chuyện đã thờ và ươm tình chày Trương
Truyền làm yến-ẩm tức-thì, 宴飲

Thong-dong bèn mới vấn-vi hỏi chàng:
« Nay nhân vũ giáng thụy tường 雨降瑞祥,
» Buồn ngâm thơ vịnh lá-bàng thả chơi.
» Thơ chàng bộ 步 đây, hay ai?
» Gẫm rằng mấy kẻ đáng tài anh nay.
» Có một công-tử qua đây,
» Đề chừng hẳn thật, há nay kẻ phàm?
16a » Cho nên mới lại tiếu-đàm 笑談
» Ai ngờ nghĩa cũ anh-tam vậy là 英三.»
— Chàng bèn minh-bạch chiềng (trình 呈) qua:
« Thừa-nhan ngụ ý thật là thơ tôi. [illegible]顏寓意
» Dậm dài thấy lá theo dòi,
» Nước xuôi lá ngược, song đôi đoài hành 双堆 斷行.
» Lòng ngờ ([illegible]) sinh sự, chẳng đành.
» Phúc xem, dường có tư-tình giá cao.
» Theo sau, tôi mới bộ 步 vào
» Dại khôn trong ấy, ai nào nói gian.
» Móc mưa nhuần gội gỗ càn 乾,
» Xui người thử kẻ sĩ-hàn, muôn trông.
» Đám đâu dò bể sâu nông,
» Đám đâu nhẫn-nhục mà trông mặt trời.
» Đám đâu cô-lỗ khoe tài,
» Cửa thưa, nhà bạc, dám nài lầu son!

» Khó-khăn, nào ước miếng ngon,
» Đa chi đám bẻ ngạ (ngó 藕) non ao người.
16b » Thư-sinh tiện-bạc phạp tài 賤薄乏才
» Lượng cao xin thứ viễn-hoài lòng khoan. » 遠懷
Lời ân nói cũng khôn-ngoan,
+ suy? Tôi (suy?) 推 cao, nắm thấp đa-đoan cùng người
— Ông rằng: « Gần đó, chẳng ai!
» Gặp chàng lại phải những nơi bạn-bầy.
» Vốn già, quê ở chốn này
» Hàn-công 韓 tu cùng bạn xưa nay một nhà.
» Người đã sớm giấc Nam-kha.
» Một nàng để lại cho già giưỡng nuôi.
» Nay thêm tuổi-tác cao ngôi.
» Một Xuân-dung ở làm đôi 余 với nàng.
» Xưa nay chẳng đám ngang-tàng
» Sự này Nguyệt-lão dẫn đường xe tơ.
» Thiên-duyên, há phải tình-cờ,
» Lá thông-môi-chước đợi-chờ với sinh. 通媒 妁
+ » Chàng tua đọc lại xem tình.
» Ý trong thơ ấy bằng-hình làm sao? »
17a Chu gả Xuân Dung cho Trường An và Xuân Đông cho Thới Huệ
Chàng vâng, đọc thủ 首 thơ đào. 首詩桃
Trước sau chẳng chút (sót 揬) chữ nào, mới kinh!
揬

Khen: "tài đã quá tướng-tinh 相星
" Khoa này ắt-hẳn công-danh kịp (返→及) người:
" Sự này tiền-định duyên trời,
" Chu, Hàn lại hợp với người Thôi, Trương:
" Chu-nương 周娘 cho kết duyên vàng.
" Hàn-nương 韓娘 cho kết với nàng Thôi-sinh.
" Thôi-sinh dù chẳng hay tình,
" Đã chàng thay đạo quyền-huynh, sự thường! 權兄
" Bây-giờ vẹn ~~đạo~~ chữ tao-khang,
" Thần-kinh mạc đứng, quê-hương mạc ngồi.»
— Trình rằng: « Tiểu-tử bồ-côi, 蒲嵬
» Sự nhân-duyên ấy, tôi thôi xin đừng (吋催~) »
— Công rằng: « Phong tống các Đằng 風送閣騰.
» Há rằng tại đấy, há rằng tại đây.
» Dù chàng quyết chẳng xe dây,
» Giả xin tạm lễ mượn tay Nguyệt-bà.»

17b

Bây-giờ truyền gọi gia-nô, 家奴
Án-tiền dọn-dẹp hương, trà, ưy-nghi.
Dù vàng, tán tía, màn che,
Tướng-công lạy trước, sau (數→數) thì phu-nhân.
Đôi hai nàng lại ân-cần,
Cùng vào lạy tạ trong sân, chúc 祝 rằng:

« Xe dây (duyên) nhờ có xích-thằng.
» Con mười, con để, xem bằng chẳng sai.
» Tuổi già ngư-thiền bất-tai,
» Nhờ thiên-duyên-số định hài (諧) sẵn cho.
» Lòng phàm dễ dám dấn-dò,
» Cần trời đã nhắc 式 nào lo, nào phiền.
» Trương, Thôi hợp với Chu, Hàn,
» Nhân-hôn bốn họ đã nguyện tứ tri 四知. »
Hai nàng đời lại tức thì
Phó 付 hai thơ lá, chẳng 左 khi nào dời:
« Nấy rể lão, nấy chồng người!
» Tam tòng, tứ đức, hôm mai phụng thờ.
18a » Dạy thì dạy thuở con thơ
» Để hầu nối tóc đợi chờ dạy con.
» Nhà dù tai tán 灾散, phúc tồn 福存
» Rể hiền, con thảo, chẳng mòn dấu xưa.
» Tháng, năm, mặc sớm, mặc trưa
» Thiên-văn đấy nhỉ tơ đưa duyên hài. » 諧
Hai nàng vâng chịu, dám sai,
Lạy xanh vàng 上 đoạn, lạy hai huyên-từ 萱慈.
Song-song đôi lứa y như
Kim-đồng, ngọc-nữ bạn xưa khác thường. 金童玉女
Trên lầu con để hồi hương,

Trưởng tử khỉ chín thành gia thất liền và xin đi thi

Lòng vàng bát-ngát không <u>phương</u>[t] lẽ nào.
Ông rằng: « Mặc ý (K) anh-hào
» Vào phòng hợp ~~lây~~ với mà tạo nên chăng?
» Bây-giờ đã có xích-thằng,
» Chẳng còn e-lệ gió trăng làm gì? »
— Trình rằng: « Thiên địa thần tri! » 天地神知
» Bởi câu thần hiện, tức thì qui đăng
18c Mọi lời kể hết lăng lăng
Tướng-công xem thấy lòng <u>hằng</u> sợ kinh.
Rằng: « Câu thần-bút <u>lỉnh-lẩnh</u> ([illegible] 7)
» Lòng đây lòng đấy dám khinh đạo trời. »
Trình rằng: « Sao dám lỗi lời,
» Hiềm vì chữ đạo trong đời <u>hổ-hang</u>.
» Nhớ ngày xưa tại gia-đường,
» Mẹ, thầy, em đã <u>toan-đương</u> một lòng.
» Tôi thì đi gắng lập công,
» Để em ở lại giữ trong phụng-thờ.
» Tới đây duyên hợp tình cờ,
» Đã hay lòng thật, cũng ngờ lòng gian.
» Hải-hồ lượng rộng, nhân khoan,
» <u>Muôn trông</u> ơn ấy, sĩ-hàn dám quên.
» Quân thân nghĩa ấy mong đền, 君親
» Cam công cha mẹ, nặng nguyền cần-đai.

"Sĩ hàn, lời thật, giám sai,
"Cam lòng bán-tử 半子 hôm mai chưa đành."
— Công rằng: « Những kẻ tài-danh,
"Hiếu trung làm trọng, sắc ~~danh~~ thanh làm thường. 色声
"Cắt thêm một đứa theo chàng,
"Đưa theo hai gánh tiện phương hành dụng 行用."
— Tạ rằng: « Muôn đội ơn lòng, K
"Lo công-đức ấy thủy chung dám dời."
"~~Thong-dong dầu~~ trải.
Thong-dong dầu trải thú vui,
Nhặt khoan lại tưởng sự đời cũng ghê.
"Những người bán Sở, buôn Tề,
" Buồn-rầu đường ấy, khen chê đường này.
"Một Hà-đông, một Hà-tây,
" Ẩm 陰 tiền-nhân có đức dày nhân-chiều 1= 昭.
" Nha-nhân lời nói khen cao, 牙人?
" Gấm nhan-sắc ấy kể xiêm anh-hùng!
" Kham 堪 chi một nỗi chàng Chung 鍾
" Khiến sao mà chẳng não-nùng gấm hương.
" Kham chi một nỗi chàng Tông 孫. (1) ✓
" Thạch-tuyền muốn ở, quê-hương biếng về.
Chàng sinh trót 律 nặng lời thề,
Thấy yêu, yêu bỗng say bề nguyệt-hoa.

Trường trẩy Kinh gặp thời thì cuộc thi, đều đại Trạng

(1) Tôn-các (白旗:孫閣)

Mừng vui non nước lân-la,
Kinh-thành phút đã tới ca bao-giờ.
Tìm nơi ăn-ở nương-nhờ;
Chực tuần nhảy sóng, đợi chờ hoá long.
Mấy ngày thấy tớ thong-dong;
Thấy chàng Thôi Huệ vừa cùng trẩy ra (趨)
Cùng nhau hỏi sự cửa nhà;
« Song từ khoẻ-mạnh, em ra việc gì ? » 双慈
Trình rằng : « Sư-mẫu dạy đi,
» Ở nhà định-tỉnh, người thì đỡ thay. 定省
» Vâng lời phải trẩy ra đi,
» Trời xui bỗng gặp anh, thì kẻo lo. »
Cùng nhau ~~đàn~~ cầm 琴 sách chuyện trò,
Bảng rồng ai chẳng muốn cho vịn rồng. 援
Ngày vào trận bút thu công. 收功
Trương Thôi nhất cử đầu đồng thu-vi. 秋闈
Chờ ngày xuân-thí phó kì 春試赴期
Chàng về chốn cũ gia-trì 加持 Khổng Nhan.
Xuân-vi thiên hạ nức vang
Cùng vào cửa Vũ vẫy-vùng tranh-đua. 禹
Mấy kì nho-sĩ đều thua,
Danh đề đệ nhất dành cho hai chàng.
Đến ngày bảng đệ sân rồng,

Trương Thôi hai họ đều cùng Trạng-nguyên.
Thôi Huệ dưới, Trương Ẩn trên,
Bảng-vàng chói-chói phỉ-nguyền bõ công.
Vua định gả công chúa cho hai chàng, nhưng biết hai chàng đã có vợ, bèn thôi
Phán mời 排 rước trạng vào trong
Dương đời sao Đẩu hình-dung rõ-ràng. (sổ 燈→熖)
Phán khen: « Chỉ thật hiền-lương! » 賢良
Ngai vàng lồ-lộ, hai chàng hai bên
Khăn vàng, đai ngọc, thưởng ban,
Bạc, vàng của-cải vô-vạn 闒→萬 xiết bao.
Phán rằng: « Trẫm có má đào,
» Hai con trẫm chẳng khác nào hai viên 員.
» Cũng mười bốn tuổi thanh-niên,
» Then 杆 vàng phong kín, hoa sen ngậm màu.
» Xiết bao những kẻ công, hầu,
» Trái duyên khôn ép, quả cầu chưa gieo.
» Tinh-anh đương giá con Nghiêu,
» Ngọc Côn, vàng Lệ dễ xiêu anh-hùng! 崐→崑 麗
» Hai người mới xứng tam-tòng
» Gả cho hai trạng, bõ công phỉ-nguyền. »
Trạng-nguyên quì lạy điện-tiền;
« Tấn Tần xưa đã kết nguyền sẵn nơi 晉秦
» Bao đâu từ chối mệnh trời,

„ Đạo tao khang phải có lời thật tâu. »
Phán rằng : « Mưu chước đạo mầu,
„ Trẫm đã đành dạ, mặc dầu thiên-cơ.
„ Và nay dan-díu duyên ưa,
„ Lòng nào nỡ dứt mối tơ nên lòng. »

Hai chàng Kỳ lễ vinh hoa phú quý làm lồn

Khai cung 開宮, cho ở thong-dong.
Dân ban, quân cấp, ngoài trong kể nhiều.
~~Đến~~ Bởi khi nên ven mọi điều
'a Đây có mĩ-miều, đây có thanh-tân
~~Có đây, có đây mĩ-miều thanh-tân~~ (低固美苗, 帝固清新)
Kìa ân ái, nọ Châu Trần
Đã phần bảng-nhãn, lại phần ~~khôi~~ hồi-nguyên.
Kẻ bao thục-nữ thuyền-quyên,
Kẻ ~~xin~~ xin 願 nguyện đức tứ (四徳), người nguyện (吋) tòng tam (三従)
Khoe thanh sắc nước trời nam,
Xin nâng ~~khăn~~ cân-trất, xin làm thiếp thê.
Trân, châu, ngọc, bạch thiên-khê 千溪
Kẻ dâng cửa trước, người kề cửa sau.
Trương Thời nào chuyển lòng đâu,
Anh em vốn đã toan nhau một lòng.
« Cha xưa thìn (前辰) một đạo trung,
„ Danh thơm Mã-sử 馬史 sạch trong làu làu
„ Ta hầu nối nghiệp cơ-cầu 箕裘

Số sang-giàu sẵn lọ cầu (少求) mới nên.»

Trường kể cho Thời nghe chuyện Chu Hàn

× Chàng Thời trình trước diện-tiền:

« Sự-nhân 事因 chưa thấu, vậy liền thưa qua

21b

» Thánh-triều phán lạc 判絡 giao hoà 交和.

» Sao lời tâu-dộng 哃 rằng đà sẵn đây.

» Biết khi nhàn-hạ nghỉ-ngơi.

» Trình anh chỉ-giáo cho tôi hay cùng.»

— Trạng rằng: « Sự bởi thiên-thành 天成

» Há rằng anh dám một mình mà chơi.»

Dẫn từ chung-thủy mọi lời

« Tưởng câu thần mộng vẽ-vời em xem.

» Lòng anh từ-chối một niềm,

» Công thành, thầy mẹ cùng em sẽ cầm 扲

Chương mất, nhà bị cướp để đoạ, hai nàng trốn vào rừng

Cùng nhau những sự tri-âm

Bỗng Chu thừa-tướng bệnh lâm 臨 biết gì.

Ông bà vận bĩ, thế suy,

Già thêm nặng bệnh, phút đi Cửu-tuyền. 九泉

Thù-nhân chúng nó lộng quyền,

Mắc khi cô-thế truân chuyên, ~~kiếp~~ cướp 劫 nước.

Hai nàng nghe tỏ mọi lời,

Vạch 摑 đất kêu trời khôn xiết liệu toan.

22a

Song-thân túc-tốc đưa quan 棺. 双親

Có công sinh, chẳng hảo-hoàn ~~gặp~~ kịp 返 đâu. 好还返

Bao-nhiêu của-cải trong lầu
Quảy 挂 hòm phong kín chôn (塼) sâu, đắp nền.
Các điều sấm-ký (讖記) êm-đềm,
Bỏ 補 cây ma để, ai làm biết chi.
Đang đêm hai nàng trốn đi,
Đầu bưng sụt 捽 rồi, áo thì tả-tơi:
Đã 㐌 xong thấy tỏ các người:
« Lẽ khôn được ở, phải dời non xanh.
» Mà toan kiếm chốn lánh mình,
» Kẻo gian-phi đến, nó hình 型 chẳng tha.
» Xưa nó chẳng lấy được ta,
» Rày sinh thù oán oan-gia chẳng lành.
» Cướp người lấy của hung-hành 凶行,
» Lánh đi kẻo lụy đến mình gian-nan. »

Nhất thời, nào kịp thở-than.
Hung-đồ (凶行→徒) áp đến vây quành (繞) trước sau.
322 Hai nàng lo-liệu chước mầu,
Lướt (?) 撻 ao 泑 tóc thẳng, ai hầu biết chi.
Nó ngỡ còn ẩn chưa đi,
Đốt 炪 nhà chết hết tùy-nhi trẻ già.
[illegible] đi tìm đất Hà-đông
Nàng thì lánh khỏi dặm xa,

Ngàn thông thẳng chỉ tới ca đầu rừng.
Chị em nước mắt nhịn ngừng (汲汔)
« Chẳng 極 hay chàng ở khởi chừng biết chăng ?
Vân ? » Nhân duyên phó mặc quỉ-thần (→ xích thằng) v
» Dù mà lòng có gió trăng lỗi nghì.
» Khăng-khăng đốc 篤 một lòng quì 葵
» Dù hoà đen bạc, phó thì trời xanh.
» Vốn lòng ta ở chí-thành 至誠.
» Trượng-phu ai nỡ bạc-tình ấy vay. » 為
Chị em bèn mới đan tay, 攔
Hỏi Hà-đông quản ([illegible]), rưỡi ngay tức-thì.
Trèo non lặn suối ra đi,
Đường trường cách-trở, gian-nguy cực lòng.
23a Đói thì ăn quả, ăn bông 花
Khát thì nước suối ; quản công-phu nào.
Tối nằm cây cả, bóng cao,
Trện đầu nghỉ đấy, khác nào súc-sinh 畜生
Chắp tay vái lạy thần-linh
« Tôi từ thuở bé bình-sinh đến rày,
» Chẩu loan, gối phượng đặt bày,
» Tơ thấy sau trước tóc mây rườm-rà.
» Nằm thì chiếc ngọc giường ngà,
» Trân-châu báu-ngọc thiếu đà của chi !

» Bây-giờ gặp nỗi gian-nguy, (奸?)
» Chàng ơi có thấu nữ-nhi oan-tình.
» Cháo cơm chẳng có giường mình,
» Quạt mo, chiếu đất, thân-hình thiết thay!
» Thương chồng, hằng giữ đêm ngày.
» Đèn tàng, chiếu cỏ, thảo ngay khôn đền.
» Nguyện thần-linh vị dưới trên
» Xui cho phu-hộ đến miền Hà-đông.
23b » Sớm trưa, bao quản lạnh-lùng
» Biết quê chồng, biết mẹ chồng, mới yên.
» Lòng dù phụ ước, lỗi nguyền,
» Quỉ thần chứng-giám, chưa tuyền thấy nhau.»

Hai nàng gặp hổ, ả Hổ dẫn đi Hà-~~đông~~ tây

Thở-than mọi nỗi xưa sau,
Vào rừng tắt nẻo, lọt (suốt 律) thâu (輸) đơi (đợi 隊?) ngàn.
Đầu rừng eo-óc suối đàn,
Buồn thêm nỗi-nước, thở-than nhịn ngừng (𠰘-𢖵)
Chị em vào đến trong rừng,
Bơ-la lận-lội (suối?) băng chừng tìm sang.
Ở đâu, ác-thú hổ lang!
Hầm-hầm (𠿯) vang-vít (曰) dậy-dàng đòi nơi.
Hai nàng kinh-khiếp rụng-rời;
Ngã kề nào nói nên lời nào đâu.

Sơn-tinh cầm lại giờ lâu, 山精
Thấy hình nhi-nữ mới hầu hỏi tra:
« Ấy người trêu (嘹)? chúng yêu-ma?
» Chốn này sao giám lân-la liều mình? »
24a 24a — Hoàn hồn, mới kể sự-tình:
« Con nhà thừa-tướng ở thành Đông-ngô 東吴
» Chồng ra ứng-thí ~~Tây~~ Kinh-đô
» Gian-đồ (奸徒) áp đến đuổi xua khiếp (怯) lòng.
» Sợ khi lỗi đạo tam-tòng, 三從
» Luật nhà, phép nước, tội trọng quỉ thần.
» Bỏ nhà, ra lánh khỏi thân,
» Sang Hà-đông-quận (群→郡), sống thân phụng thờ:
» Đường trường cách trở bơ-vơ,
» Cơm rau, áo lá, sa cơ thân tàn.
» Ơn, dù thương phận hồng-nhan.
» Dù tha cũng đội, dù tan (散) cũng nhờ. »
Nghe lời thương những thay ([illegible]) là:
« Con người nhân-nghĩa, hại mà sao nên.
— Rằng: « Hai nàng hãy cho yên,
» Ta tha, chớ có lo-phiền làm chi. »
— Thấy hùm lòng có từ-bi,
Trình rằng: « Phúc-đức nữ-nhi được tuyền.
b Chị em đói khát, truân-chuyên.

Hà-đông chưa biết gần miền hay xa?»
— Hùm rằng: « Đại-lộ gian-tà 大路
» Rừng này thì những quỉ ma lăng-loàn.
» Nghỉ đây, ta sẽ liệu toan.
» Dẫn đường cho biết, khỏi oan đến mình.»
Thương thay nhân-nghĩa hùm-tinh,
Chẳng ăn thịt, lại lộ-trình dẫn đi.
— Thấy đói, hùm hỏi một khi:
« Muốn ăn cơm thịt, ta thì kiếm cho?»
— Nàng rằng: « Nhờ phúc ấm no,
» Cầu cho được thoát, lại lo cơ-hàn.
» Chúng tôi kẻ đói muôn vàn,
» Được cơm một miếng tâm-can giải phiền.»
— Hùm rằng: « Đã muốn thì nên.
» Như nhau cây cả treo 趯 lên mà ngồi.
» Ta thì đi kiếm một hồi,
» Ăn no, ta sẽ lại thôi 催 cây này.»
25a Hùm đi phỏng được một giây,
Lại con lợn béo, lại đầy nồi cơm.
» Mặc nàng khôn-khéo thì làm
» Dùi cây lấy lửa, đốt 焠 rơm mặc dùng (以=默)
Hai nàng trần lực 陳力 anh-hùng
Kiếm nồi nấu nước làm lông sẵn-sàng.

Đồ, nem, chả, nấu tưng-bừng
Hùm ăn __túc-tắc__ (足則) khen ~~bừng~~ vang cả rừng 棱 (?).
Nói rằng: « Tự cổ cập kim, 自古及今
» Ta quen những thói sinh-cầm mà thôi (生擒).
» Bây-giờ __mùi-mẽ__ ngon bùi,
» Lẽ khôn bắt chước những mùi cao-lương. 膏梁
» Bữa nay kể đội ơn Nàng
» Dù đi ngàn dặm xa đường cũng đi. »

Hai nàng gặp ma quỉ, hùm giúp đỡ che chở

Ở đâu bỗng chốc tức-thì,
Những ma cùng quỉ quái-kỳ phủ-vây.
Hùm rằng: « Non nước miền này,
» Sơn-tinh tao quản, chúng ~~tội~~ bay (罷→𠇍) trong ngoài.
» Chẳng hay rắp (笠) đến trêu ai, »
Trình rằng: « Chúng muốn bắt người nữ-nhi. »
– Hùm rằng: « Tao cũng lòng vì,
» Thờ chồng tiết nghĩa, lạc thì đến đây.
» Tìm về quê cũ Hà-tây,
» Cảm thương, tao phải nước mây dẫn đường. »
Chúng rằng: « Chớ trách (責) chi nàng »
» __Chê lầm__ (chẻ?) 吱啉 __cầm lỡ__ 扲呂. chúng càng thẹn thay.
Rủ nhau, quỉ lại __dan__ tay, 攔
Một cơn gió cả đổ cây động rừng.

256

Nàng ([illegible])
Hùm rằng: « Ta cũng chưa từng,
» Nghỉ chân ta sẽ bữa thường kiếm ăn. »
» Hạ-đồng ỷ cũng hầu gần, 侍
» Dư mười tháng lẻ, tinh-thần kém tươi. »
— Hùm rằng: « Nàng hãy nghỉ-ngơi
» Làng kia ta sẽ tìm chơi của dùng »
Uy-phong một trận hãi-hùng, 威風
Cây lay lá rụng, đường (giống?) chống 拵 cả ngàn.
Một dây về đến chốn nàng.
Bò tinh 精, gạo trắng, thấy càng mừng thay.
Hùm rằng: « Một bữa no say,
Gởi Bả (吧) nàng, ta lại trở về Sơn-lâm. »
Nàng ([illegible])
Nghĩ rằng: "hồng tếch, cá chìm,
» Ngày-giờ bạn với thú-cầm 獸禽 nước-non.
» Vì ông, mới biết rằng còn,
» Muôn trông ơn ấy chẳng mòn, chẳng phai.
» Ông về dưỡng-tính hôm mai, 養性
» Tôi ra tìm khách vãng-lai hỏi dò. »

Hai nàng gặp Lão-bà trở nhà, và mách việc hai chị Trưởng Thôi đã lấy Kinh

Chị em ba liệu bầy lo
Tìm ra đường cái mong cho thấy người,
Lão-bà vừa gặp đúng chơi
Hai nàng bèn mới hỏi lời thủy-chung.

« Lão-bà! chường 呈 có biết không,
» Chốn nầy phải quận 辟郡 Hà-đông chăng là?
» Chúng tôi ngày tháng lân-la,
» Lạ-lùng chẳng biết đường ra, ngõ vào.
26 b » Có người thân-thích tuổi cao,
2 » Bây-giờ mạnh khỏe dường nào, biết chăng? »
— Lão-bà bèn bảo lời rằng:
« Người hoà khí gió bệnh hằng sốt âm 烰陰. »
« Nàng ra đường cái hỏi thăm
« Hà-đông đây thật mà lâm 啉 hỏi ai.
« Hai tư ăn ở hôm mai
« Nhờ con trinh bệnh khôn nài thuốc-thang.
« Bình thầy-học, lại thêm càng
« Phần lo, phần liệu khôn đường tới lui. »
« Nghe lời thêm cảm ngùi-ngùi
Thiên sầu, địa thảm dường xui đeo phiền
— Nàng rằng: « Ngày trẩy Tràng-yên,
« Một chàng ở lại gửi bên hôn-thần.
« Sao rằng một thầy chuyên-cần?
Mụ nầy ắt chẳng ở gần, chưa thông. »
— Lão nhân rằng: « Khéo nói không!
» Ta nay vốn kẻ gia-trung ra vào. 家中
27a Chủ nhà, thầy bói, lao xao!
貝卜

"Chẳng biết thì hỏi cho tao bảo cùng."

Nàng rằng: « Vốn khách lạ-lùng,

» Đi đâu mà biết sự trong nhà người.

» Đã lâu nhân có qua chơi:

» Thấy chàng thầy tớ vừa dời một khi.

» Một chàng quyết ở chẳng đi.

» Cho nên hỏi vậy, biết gì mà hay. »

— Mụ già mới nói vậy vay:

« Sự ấy dường nầy, dưa dây 荼㐌 chẳng xong. V.P.

" Chàng bèn vậy phải tuỳ-tòng,

" Sự trên đã quyết, giám lòng nào đâu.

" Chàng ra nửa tháng chẳng lâu

" Chàng thôi mới 催 dạy 吠 đi sau một đoàn.

" Một mình thầy phải liệu-toan,

" Bây-giờ thầy cũng tư-đoan 自端 lẽ nào.

Hai nàng chữa bệnh cho bà khỏi bệnh

Nàng rằng: « Vốn có thuốc hào 豪

» Ngọc lành hồ dễ bán rao 嗤 đâu là!

27b » Mụ vào gửi đến Từ-bà 慈婆.

» Đây xin chữa thử xem đà biết tay. »

— Mụ rằng: « Khéo khéo lẽ thay!

» Vốn già đói khách, tìm thầy thuốc-men.

» Hai thân mạnh-khoẻ bệnh hèn,

» Ai hay bệnh khỏi thuốc tiên chẳng là? »
Trở về tức-tốc trình qua:
Rằng: « có thầy nữ vốn là thuốc tiên » 柴女
Mụ rằng 浪? vào đến thư-hiên 書軒
Trình rằng: « Có khách thiếu-niên làm thầy.
» Xưng xưng rằng thuốc nghỉ hay 15.
» Uống đâu đỡ đấy, cao tay xin vào. »
Thầy rằng: « phúc, lọ người nào!
» Thuốc hay thì uống, mà đào cũng nên. »
Rước vào, thầy hỏi căn-nguyên:
« Đạo thờ chi có tay quen chữa-chứng 重? »
Trình rằng: « Chút 悴 phận nhà dòng,
» Nhân vì đơn-bạc, bị trong cơ-hàn.
28a » Vậy nên vóc hạc, thân tàn
» Những đi cứu-thế, chữa nàn, hôm mai.
» Há rằng có giám khoe tài,
» Thử xem ra sức dịch trai các thầy.
» Ắt là kíp chẳng lâu chầy
» Hai từ mạnh khỏe hơn ngày đương xuân.
» Chẳng dùng tứ-vật 四物, tứ quân 四(君→均?)
» Bát-trân chẳng bốc, thập-thâm 八珍 十神 chẳng gia.
» Cửu tiên 九仙 Ngũ-tích 五積 Hương-sa 香砂
» Nhị Trần 二陳, Chính-khí 正氣, Thanh-trà 清茶, Bổ lao 補勞.

"Hai từ 慈 thứ thuốc mà đào
"Sắc thì ngào-ngạt, uống vào thơm-tho.
"Tuy rằng phận tiện 賤 nữ-ngu 女愚,
"So xem chẳng kém tiên-nho bốc (1) nào."
— Thầy lời nhi-nữ, khen-lao 哰,
Thầy rằng: « Như vậy, quản bao thập-thành 十成
"Huyên-từ hai khóm tuổi xanh,
"Thầy đã có chước để dành 停 xứng cho.
28b "Hiếm chi người thế, của kho,
"Sang giàu cũng có, ấm no cũng đành 停. »
Trình rằng: « Ai chẳng chí-thành 至誠
» Muộn 悶 chi phận bạc hạ-hành ngao-du. 下行遨遊
"Hiềm vì chưa khéo đường tu,
"Cho nên lẩn-thẩn ngõ cù 衚衕 dạm mai 梅.
"Xiết bao kể sự đường dài,
"Mặc tôi; thầy chớ có nài lo-toan."
Nghĩ thầm: "chẳng phải cơ-hàn,
"Ắt là trong trướng ngoài màn chẳng không.
"Ắt là Ngọc-nữ, tiên-cung.
"Nhà còn phục-hậu chữa-chừng 重 ~~chẳng~~ lấy cho."
Từ ấy thầy chẳng phải lo
Thuốc-thang nâng-nhắc dặn-dò đổi-thay
Tanh nhờ chẳng có ừng nay.

Đêm suốt 卒, lọn ngày, bấm-bé 揲捌 vào ra.

 Gạo cơm dưỡng được tính già,

Nuôi chưa đầy tháng, da đã hây-hây.

29a Nước tiên rưới rễ, vun cây,

Rườm rà tươi-tốt bằng-nay khác thường.

Được tin hai chàng đậu rồi và sắp về, [bà mới hai nàng ở lại và ghép duyên, nhưng] hai Nàng từ-giã ra đi.

 Hai bà từ đấy ~~phường~~ phi-phương, 菲芳

Xem đời nàng đã qua đường con sinh.

 • Như thầy trạch 擇 nhật 日 hội đình 庭 會庭

Ăn mừng, ai nấy (1B→B) phỉ tình cho cam.

 "Vốn bình-sinh có song-nam.

"Rày sinh nhị-nữ kể làm phúc ta.

 "Gọi rằng đại hội đài-gia 大會臺家.

"Trước thầy, sau họ-hàng nhà cảm ơn. »

 Còn đang than-thở nguồn-cơn,

Phút vừa (𠬠) tin ở Tràng-an đưa về:

 Hai chàng đã vẹn mọi bề

Trạng-nguyên, Bảng-nhãn vinh-qui nuối (thoả) 餒(?) rày.

 Hai Từ mừng-tủi (xót: 悴) lệ thuỳ 淚垂.

« Ai ngờ (?) mẹ được thấy thì tin con

 "Ơn nàng bằng núi, bằng non.

" Hãy còn phúc đức, hãy còn nhân-duyên. »

29b Nàng từ nghe biết căn-duyên (nguyên 緣→源?)
Rủ nhau vào lạy Tử-huyên đãi lòng.
Hai nàng vào đến trong cung:
« Tôi xin về, vắng 求 gia-trung 家中 lâu ngày »
Bước ra, liền lạy tạ thầy.
Hai từ mới bảo rằng: « Rày đi đâu?
" Con về, già lại đeo sầu.
" Như ý sở cầu, xem quá con sinh. 如意所求
" Tam-khôi, chẳng đã hiển-vinh,
" Lòng mừng, song chẳng thiết tình bằng 用 Nuôi[1] 餒.
" Đợi cho hai trạng tái-hồi.
" Dâu hiền con thảo sẵn đôi kết nguyền. »
Trình 呈 rằng: « Bần khổ truân chuyên,
" Hai tôi sao dám kết duyên con trời: »
Quyết về khăng-khăng một lời,
Thoát thời 脫崔 từ-tạ ân người, ra đi.
Hai từ nước mắt lệ thùy 淚垂
Lấy vàng bốn nén tức thì đền công.
30a " Của này tổn 損 đã ơn lòng
" Nghĩa muôn đời chẳng phai 派 trong tính-tình
" Vì Nuôi[1], già được bảo-sinh 保生.
" Già còn hưởng phúc, tôn vinh trùng trùng 重重. »
— Nàng rằng: « Chẳng lấy một đồng,

(1) có thể ~~nghĩa~~ là Đại danh-từ ngôi thứ hai, nói kính trọng.

"Phó cùng thiên địa, phó cùng nước non.
"Khuyên người mạnh khoẻ(跬) vuông-tròn.
"Trạng về tới ắt cũng còn tới lui."
Hoà nhà nước mắt nhuộm trôi:
"Ắt là Tiên, Phật xuống chơi mười ba!"
"Cho nên nghe Trạng về nhà,
"Vâng thì chẳng lấy, quyết mà ra đi."

Lão-bà từ đấy sầu-bi,
Con sinh cũng chẳng khác gì con nuôi.
Hai nàng đi ngược về xuôi,
Thiên vân cũng chả nhớ người 女[illegible] mẹ già.
Để chừng tất nẻo bước ra [illegible]
Tựa nương nước trí 智, cửa nhà non nhân 仁

306 Hai chàng ~~lấy về~~ vinh qui
Hai chàng lìa dặm Tràng-an
Vinh-qui phong tứ tam thiên quân 三千軍 về 榮歸封賜
Gia-nhân ai nấy đề-huề,
Ngựa xe, dù tán, thiên khê 千溪 một đoàn.
Dịch-đình mở tiệc ca-hoan 歌歡 驛亭
Quân-thần, triều-tể, bách quan tiễn hành.
Gái trai già trẻ đua tranh
Quận Châu nối gót, thị-thành chen vai.

«Ngọc tao 搔 chưa xứng, quả cầu chưa gieo
«Mặn-mà say-đắm tâm chiều,

Kẻ rằng: « Tài đa nên tai! »
Người rằng: « Tuổi trẻ ([illegible] → [illegible]) nên trai anh-hiền.
« Mặt dường thần-tướng, thiên-tiên,
« Mai nẩy phô nhụy, gương sen ánh (映) màu H.
(hoa? (→ 花)(1))
« Phúc dày sớm được công hầu,
« Thiếu-niên ~~Ngọc [illegible]~~ sớm đã sang giàu biết bao. »
« Long vân, ngư thủy phùng-tao. 龍雲魚水逢遭
Nhạc ca vang-rậy, tiêu-thiều 蕭韶 đôi nơi.
31a Trạng thì cực-lạc mừng vui,
Nàng thì thảm-thiết một nơi gốc rừng 榕枝 (→ ngàn?)
Trạng thì bõ thuở sĩ-hàn,
Nàng thì vóc hạc, thân tàn, cớ sao?
Cho hay bĩ thái tương-giao. 否泰
Khô-khao Thang-kỷ 湯紀, dồi-dào đời Nghiêu.
So đi, nghĩ lại trăm chiều,
Miễn cho nhân-hậu được nhiều là hơn. 仁厚
Hai Lang qua miếu đến phủ họ Chu
Những con du thủy, du sơn 遊水遊山.
Thôi khoe màu đỏ, lại xôn ([illegible]) thức vàng.
Chí lăm-le đạo tào-khang.
Lòng tương-tư, nghĩa đồng-sàng thấy tin.
Đến bến đò, thấy nước in =
Miếu thần ở đó, lại nhìn như xưa.
Hương đăng vừa đủ lễ-nghi 香燈

(1) hoa (花) bông mai, hoặc: hoa mai

Cúc-cung mới kể vân-vi sự lòng: 鞠躬
«Cậu thân còn đấy dòng-dòng 洞
"Người lòng tiên-báo, ta lòng hậu sinh.» 先報
31b Hai Trạng đến trước Phật-đình
Lạy rồi bèn mới khởi trình tiến sang.

Thái bảo mộng cho biết chuyện họ Chu tự mất, hai Trạng đi Hải-Đông

Ấy sao tướng-phủ khác thường!
Cửa nhà quạnh-cỏi, tuyết-sương lạnh-lùng.
Thương ôi! nước mắt nhìn ngừng (汲涥 → 忍涥)
Sự sao sự lạ, khôn chừng lẽ nào.
Thấy ai, hạn-hỏi mọi điều,
Thanh sầu, bể thảm thêm vào thiết thay! (咍 → 台)
Trông trời biết mấy trùng mây.
Xui cho thần hiện đêm nay tỏ-tường.
Truyền quân đóng lập 笠 (khắp?) rạp (?) bốn phương.
Lập đàn, đèn, sáp, vàng, hương, khấn cầu.
Đêm thanh, bóng dại (dãi?) nguyệt thâu,
Thấy người chống gậy đến hầu Trạng-nguyên.
Đai tinh-bội, mạo triều-thiên: 星佩 朝天
Tuổi vừa tám chục ([illegible] → [illegible]) có bên rộng dài.
Trạng nguyên mới hỏi ấy ai?
Trình rằng: « Bản-thổ ở nơi bên này. 本土
32a "Thấy quan lòng có thảo-ngay.

"Phải lên dẫn-dụ cho hay (𢭸→咍) sự nàng. 引誘
"Vãng-niên 往年 thiên-số chẳng thường,
"Ông bà Tể-tướng tếch đường Âm-cung. 陰宮
"Hai nàng chưa gặp (kịp) 返 hành-dụng 行用
"Hung-đồ áp đến, toan lòng kiếp-gian. 劫奸
"Nữ trinh ý khôn lại ngoan.
"Của thu rắp 拉 để cha quằn 攉 một nơi.
"Tàng hình bèn mới biến rồi 涞. 藏形
"Kẻo khi họa cập, tới lời Thôi Trương.[1] 禍及. 催張
"Chúng-nhân, gia-tiểu bị thương 衆人, 家小
"Nào còn ai sót (㞫) mà phương đi về.
"Nàng từ đến chốn giang-khê,
"Ra sở vào tề, sự chẳng biết đâu. 楚齊
"Nghĩa nhau còn có thương nhau,
"Xem nơi sấm-ký[2] gót-đầu liền hay."
— Trạng-nguyên mới ~~hỏi~~ nói rằng vậy 悲:
« Dẫn cho sấm-ký, ta rày muốn trông. »
326 Khấn bèn dẫn đến gốc sung.
Việc chi, trong ấy (𠃅) mắc lòng Trạng-nguyên.
Dẫn ~~cho~~ (rồi 𢭸→𢭸), phút biến thượng-thiên,
~~[illegible]~~ Võ 𧞣 (?) cây liền thấy nhãn-tiền tâm-thư. 心書
Hai chàng tầng ông bà kho chứa → Các lời tra thật y như.
Truyền quân tạm tác gia-cư tức-thì. 暫作家居

[1] Có ý dùng điển Thôi-Trương ở Tây-sương-ký, để ăn mặn-mà với hai chàng ~~họ~~ Trương ~~[illegible]~~ và Thôi-Huệ.
(2) Lời hai nàng chép lại, xem vế 735

Gieo đề [chiêu đề]: 招提 thấy những đàn đi
Rày về hậu-nghiệp hề gì nữa đâu!
Xiết kể dư trăm bó trầu,
Cỗ bàn bày-đặt, khẩn-cầu lễ dâng
Ba tuần rượu rót 捧 quì nâng
Thở-than kể-lể lâng-lâng dự mình:
«Trọng-thân đang lập công danh, 重身
"Tao-khang nên lỗi môn-đình, [nếu 吁] xin thưa (sở?) 糟糠
"Đèn tàn hương lạnh bây-giờ,
"Tam-hồn Thất-phách nương nhờ nơi đâu?
"Cho nên uống chịu đeo sầu,
"Sớm trưa chẳng biết ở đâu làm vậy?
33a "Trên thì cao, thấp thì dày,
"Họa vô đơn chí; thở-ngày, thiết tình. 禍無單至
"Đã cam chịu tội ở mình
"Đắc trung, thất hiếu, tôn-linh thẹ lòng.»
"Ông Bà cũng để song-song,
Ân-tình quì khóc, dải trong ơn-nghĩ:
«Há rằng giám ở phi-vi. 非違
"Tham bề thanh sắc, mà khuấy đạo thường
"Hiềm vì túc-dạ cần vương 夙夜勤王
"Sự thân nên trễ, sự nàng nên hờ. 疎.» 事親
Dòng-dòng, châu lệ dường mưa.

Hai chàng ở lại, thì vừa tròn trăng
Sửa sang chữa lệch, kê bằng.
Lầu kia gác nọ lại hằng như xưa. H
Đến tân thay đổi phụng-thờ,
Đổi tuần nhật-dạ, mười-đưa kính bày
Các điều phân-phó bằng nay
Muôn quân để lại đêm-ngày sự thân.
33b Trong ngoài quân chỉnh ân-cần
Các điều sắp 㨂 cả, tảo-thần ≡ ra đi.
Hai chàng đi tìm hai nàng
Ngựa cắt 拮 nhạc, quân cuốn cờ.
Kiệu 轎 đen một lũ, quân thì hàm-mai. 含枚.
Đùn-đùn, ai biết rằng ai.
Song ∗ vâng phải, dạ chẳng phai đâu nào.
Lại thương thay phận má ~~hồng~~ đào
Long-đong biết ở phương nào tồn vong? (nào vong tồn) ✓
Lấy ai định tỉnh thần hôn, 定省晨昏
Lấy ai xem-sóc khuê-môn nghiệp nhà.
"Cậu thần trước ứng hiện ra
"Giời ta hay có thật là vậy-vay? 乎
"Biết còn giữ đạo thảo ngay
"Hay là rày đã trao tay của nào?"
Nói năng thêm nổi trận dào. 霪

Ơn Chu thừa-tướng quản bao sự thường.

Hai nàng trốn vào Song sơn để hai chàng sống chân kết duyên chỗ xứng

Sự nàng tưởng đến càng thương.

Lấy non làm vách, lấy sương làm màn.

34a

Đêm đêm ngồi nhẫn canh tàn.

Mình ve [illegible](1) vóc hạc, thân tàn thức hương (式香).

Cơm rau, nước suối bữa thường

Áo quần là lá, chiếu giường bóng cây.

Như nhau "phỏng [illegible]" đến độ nầy.

"Hẳn hai trạng đã tới ngày vinh-qui.

"Tìm nơi thanh-vắng một khi

"Dòm-hành thế-thái nhân-nghì ~~nh~~ dường bao.

"Đứng làm quân-tử tương giao. 君子相交

" Đường thanh-vân ấy ai nào kém ai. đây? (埃)

"Bằng chừng đạp tuyết 踏 dạy [illegible]

" Cây cao thăm thẳm khôn rày biết hay? »

Trạng-nguyên đến đấy nửa ngày

Quân quan sau trước đông tây tiến-hành: 進行

« Thật là quân-tử chí-thành 至誠

" Thương ta 些 nên trạng âm-tình chịu tang » 陰情

Dòng dòng nước mắt đôi hàng:

"Từ nay ta phải tìm sang non Thần.

34b

"Lễ chi xứng chữ ái-ân,

(1). gầy

« Mà còn ở đây xót (thủ 悴) thân thẹn người.
« Thương ta sợ thế-gian cười,
« Phụ ta thì lại ra người bất-nhân.
« Chẳng bằng tuyệt tiếng phàm trần,
« Cho chàng tiện sự Tấn-Tần xứng đôi. »
Đem nhau vào chốn xa-xôi
Song-sơn núi ấy ở với Hải-tây. 双山 海西

Hổ mách tin hai nàng cho hai chàng

Trạng nguyên qua (弋→戈) đấy nào hay,
Phỏng được ba ngày, hùm mới báo 报 tin.
Rằng: « Hai Trạng kẻ tướng hiền 相賢
« Công tôi xưa đã nhọc-phiền phu-nhân.
« Ắt nhiều làm lễ tiếp tân 接賓
« Trạng-nguyên thượng-quốc ~~ta~~ đại-thần trọng-danh! » V.
Hùm liền tức-tốc vào rừng.
Được con trâu béo để chừng bên đường
Quân quan ai những qua sang. 此
Thấy hùm, bỏ chạy dọc ngang hãi-hùng.
35a Ầm ầm đổn đến quân-trung:
Hổ lang nằm phục, chúng cũng ngả xô.
Trạng rằng: « Triều-chính qui-mô 朝正規模
« Anh-hùng chỉ để thú-đồ phạm-xâm! 獸徒
Song nó (奴→奴) là giống sơn-lâm 山林 H

" Lễ đâu có giám khinh-tâm mệnh trời. 輕心
" Dụng 子 quân, ta thử hỏi chơi
" Lệnh trời, phép nước giám lời phạm khinh.»
Kiều đem đến trước Hum-tinh
Hum liền đứng dạy, thu hình nói ra:
« Nghe rằng tướng-quốc về qua.
" Vương-thần vương-thổ ở ca rừng nầy 王臣 王土
" Lấy lòng lễ bạc đến đây.
" Yết quan-nhân, lại kể bày nghĩa xưa:
" Có hai vợ Trạng tuổi thơ.
" Thượng-niên phiêu-lạc ngẩn-ngơ miền nầy 上年.
" Nói rằng bị nạn khốn thay.
? " Trạng ra thơ vịnh (詩 永), khôn hay lẽ nào.
35b Lánh mình sạch tiết mà đào.
" Lửa (炤) cơn dục đến, nhà nào cũng lay. 懟.
" Đạo tòng phu-phụ bấy nay.
" Leo non lặn suối đắng cay chẳng (cay 極) lòng.
" Hỏi đường thăm đến Hà-đông
" Rằng đây quê chồng, thăm mẹ bình yên.
" Cảm thương tiết nghĩa ngay ([illegible] → [illegible]) hiền
" Dẫn đường mười tháng đến miền Hà-đông.
" Hai nường khi đã đổi lòng
" Thấy bà nhân-đức, thấy ông trung-nghì.

" Lấy lòng biết lấy của chi,
" Quá-môn gọi có kính-vì, biết cho » 過門

Trạng từ nghe tỏ duyên-do
Mừng-mừng tủi-tủi ([illegible]) hỏi-dò khúc-nhôi.
Hớn rằng: « Sự đã hẳn-hoi,
" Xưa nay hớn biết làm tôi của nào. »
— Trạng rằng " ơn nặng công lao, 功勞
" Lễ ~~chi~~ gì 之 ~~làm~~ vì mặn giả đáo ~~với~~ mới cam (貝甘)
36a « Đã nên nghĩa kết anh-tam 英三
« Họ Trương họ Lý kể làm tương-giao 相交 徵李
« Bạc vàng há của hiếm 險 nào.
« Ơn lòng muôn kiếp, quản bao phải lòng.
« Chê thì thất-trực* anh-hùng 失直
« Lấy thì ra kẻ dong-dong 容客 quê mùa.
— Hớn rằng: « Gọi của quả chua 菓珠
" Làm ra, há phải của mua mất tiền. »
— Tạ rằng: « Ơn đã kể hiền.
" Giả ơn thì trở lại miền sơn-lâm
" Được tin-tức, biết tri-âm
" Đành thay nguyện vẹn ơn thâm phỉ tình.
Hai chàng trẩy về nhà, Mẹ con kể ~~lại~~ với nhau chuyện hai nàng.
Truyền quân bội đạo tiến hành. 倍道

Quận, châu, huyện, phủ ả anh rước chào.
 độ
Chỉ-chu 止朱 đến cửa bước vào.
Ngõ hạnh, tường đào, nào đoái chút đâu
Từ-đường dọn-dẹp trước sau. 祠堂
Hương nghê nghi-ngút, khấu đầu khóc than.
36 B « Những ngờ hương tắt, khói tàn
" Mẹ già, con trẻ, cơ-hàn thiết thân.
Ai ngờ (:5 → 5) theo dấu đai cân.
" Vì Từ-đức hậu, vì thân-nhân dày 慈德厚, 親仁 ~
 Rồi (条→素)
Cho ra bái tạ ơn thầy:
« Dạy tôi, nuôi mẹ đêm ngày công-phu.
"Cho nên gần cửa Trình Chu
" Danh vang bốn bể, thế-nho muôn đời » 世儒
— Thầy rằng: « nên bởi số trời.
" Số trong tài ấy trong đời họa (hiếm) ba. »
Lại vào lạy tạ Từ-bà
Khóc cùng hai Khóm; "con đã ~~cho~~ tôi cam »
— Từ rằng: « Hệ chỉ nhi-nam 兒男 ~
" Chuyên cần việc nước khôn tham việc nhà.
"Bình-sinh toại chí khí hòa,
" Con đã phúc-ấm rạng lòa tổ-tiên.
"Song còn sầu-thảm đeo phiền
" Sự hai tiên-nữ thảo-hiền lắm? 桌→廪 thay!

7a "Nuôi mẹ ba bốn tháng chầy
"Ai ngờ ([illegible] → [illegible]) phút chốc đi, rầy phương nao?
"Hai nàng vốn có thuốc hào,
"Gạo cơm nâng nhắc nuôi tao chuyên cần.
"Mỹ-miều thân có thanh-tân 清新
"Tuổi vừa hai bảy vừa tuần trăng trong
"Thuốc thang chẳng có ngại-ngùng
"Đêm ngồi suốt đến rạng đông lâm kỳ.
"Nâng niu coi-sóc phù-trì
"Tanh hôi chẳng quản, vậy thì xót-xa. [illegible]
"Dẫu rằng máu-mủ ruột-rà ([illegible])
"Đêm ngày nâng nhắc, vào ra chuyên cần.
"Hai nàng phụng dưỡng hai thân.
"Non vàng khôn xứng, bể ân khôn đền.
"Vậy nên hai mẹ bảo tuyền 保全
"Thề rằng muôn kiếp giám quên tấm lòng.
"Đợi con để kết giường đông
"Dâu hiền, con thảo, bố công sinh-thành.
37b "Nghe tin chàng đỗ khoa-danh,
"Xui về chẳng ở, chất thành sầu-bi ([illegible]…)
"Vâng cho chẳng lấy chút chi,
"trở về, chẳng biết ra đi phương nào?
"Nhớ thương để lại cho tao,

Bây giờ khôn biết lẽ nào tìm đâu 找. »
— Hai chàng quì lạy, khấu đầu:
« Chúng tôi vốn đã sở-cầu duyên xưa. »
Khóc thôi, kể hết tóc-tơ:
« Từ khi ở đây có thơ 書 đưa truyền
« Vậy Chu thừa-tướng kết nguyền,
« Chưa vâng sư 師-phụ cần-quyền tới lui 師父
" Lập đàn người kết duyên hài,
" Phó hai thơ 詩 lá, ấy hai vợ chồng.
" Trao cho hai nén ~~bạc~~ vàng ròng 涌
" Lại cắt gia-đồng theo với làm xong 以双.
" Những mang đèn sách lập công
" Phúc được hoá rồng chầu chực Đế-kinh.
" Ông Bà cũng tếch Thiên-đình
" Hai nàng gặp biến liều mình sơn-lâm
" Đã đem thân phó miệng hùm
" Thấy người nhân-nghĩa khôn lầm (口林), lại tha.
" Nàng (江→妃) về thăm-viếng mẹ ~~già~~ cha.
" Sơn lâm cách trở, hùm ra dẫn đường.
" Thủy chung hùm kể tỏ-tường
" Tới về, hùm lại có phương-lễ 方礼 mừng.
" Sự nàng kể hết lâng-lâng
" Nghĩ công-phu ấy so bằng núi-non.

"Những đành 功停 chỉ thắm, gương tròn
" Bách niên giai lão sắt-son ghi lòng.
"Phút sao đông (東 tây(?)) - liễu ~~tây~~ - ~~đào~~ đào đông 東柳桃東.
" Mẹ trông tướng nết, con trông tướng người.
"Dâu mà mãn tịch vui cười. 滿席
" Con tua chớ hỏi 𠯦𠯿 tới với người tiên.
"Thấy ~~ch~~ nàng, cõi thắm, giải phiền
" Mẹ tươi nhan-sắc, con yên cửa nhà. »

28b

Hà-đông lang ấy trẩy ra.
Đàn (彈) -quan Bằng-nhân cùng bà Tư Thôi 慈催
Tạ nhau, ai nấy tái hồi
Hà-đông tiễu rồi, ra tiễu Hà-tây.
Đôi chàng lạy mẹ trình thầy
Sự vui kể nhất, tới nay thiết tình
Pháp trong cũng có quyền kinh
Thường vui hai lễ bằng (平) -hình nặng thay.
Hai bên tạm lễ đạt (遠 達) bày
Kính Tiên-nhân, lại lạy thầy mẹ xưa.
Trong ngoài chẳng được ~~hơi~~ hới-hở (hi-ha) 唏呵
Giai thành vạn sự, sẽ ca thái-bình. 皆成萬事
Trường Thôi đều cũng thiết tình
Hà-đông rồi trẩy sang thành Hà-tây

Tiệc rồi ăn uống no say,
Trạng còn <u>âm-phục</u> đêm ngày chẳng tươi. 陰服

Hai bà bảo hai con đi tìm hai nàng

Hai Từ cũng chẳng nói cười,
Lòng Từ thảm-thiết đôi người nữ-nhi.
39a Trinh rằng: « Tôi hãy sai đi
« Thấy nàng, rước lại, mẹ thì chớ lo. »
— Từ rằng: « Con phải dặn-dò,
« Nhưng tai trinh-nữ khôn cho chuyển lòng.
« Sai người lại ắt về không,
« Chẳng đi chưa ắt thuận lòng về chưa.
« Ở đây tin thấy sự-cơ,
« Tìm về lánh chốn nương-nhờ cho xa.
« Trước là xem chí-khí ta
« Sau thêm hổ-thẹn con-nhà danh cao
« Về đây chẳng biết làm sao.
« ~~Cho~~ Biết hư thật, biết mà đào biệt ngay.
« <u>Cam</u> 甘 khi cửa tướng nhà rày,
« Một thì lời đạo, muôn ngày tạc-ghi.
« Chí cao, nghĩa cả, tài kì
« Anh hùng đọ vẻ có khi thua <u>vời</u>.
« Đã nên đệ-nhất trong đời
« Thánh-hiền dễ có sánh người tiện-ngu 賤愚.
39b « Trạng dù cao-trí 知 trượng-phu

" Lập đàn trai-giới duyên-do sự minh.
"Đêm ngày thất-thất (t t) tụng kinh
" Được thấu thiên-địa thoát hình oan-khiên 冤愆
" Trước là quang-hiển tổ-tiên
" Sau là nhà được bình-yên mọi đường.
" Khi vừa gần mãn pháp-đàn (trường 壇 = 場) 法壇 đàn
" Nguyện cùng thiên-địa sự nàng cầu-nguyện
« Sự này ắt bởi thiên-duyên
" Theo câu thần hiện quả-nhiên chẳng vọng 妄
" Dù mà nên đạo vợ-chồng
" Nhờ tay ông Nguyệt tơ-hồng bách niên.
" Xin cho ứng-hiện nhãn-tiền.
" Biết là lánh-ẩn lâm-tuyền nơi đâu:
" Xin cho dân biết trước sau.
" Đi tìm chốn ấy mới hầu thấy tin.
" Bấy sai hầu-hạ đưa tin
" Thì muôn kiếp cũng khôn tìm thấy nhau »

~~tt~~ Lời đối Tử dạy cơ-cầu 箕裘
Thấy rằng: « Thánh-mẫu nhiệm-mầu kể cao. »
Hai chàng lạy tạ tiêu-hao.
Cảm ơn đức ấy dồi-dào 沫 xiết chi.
Bản tấu(1) cắt khiến người đi.
Xin hai năm nữa ~~luận~~ trọn nghỉ sẽ 仕 ra.

coa

Hai chàng lập đàn cầu nguyện. Hoả đình thần báo mộng chỉ đường

(1) tấu vua xin nghỉ hai năm để làm hết đạo.

Sắm nỡ lễ-vật các toà
Rước Thầy đàn-việt đăng-trai 燈齋 tĩnh-thanh 淨清
Chiêu-đề 招提 khắp 拉 chốn huyện-thành
Đâu đâu đấy đấy phát-hành tìm sang.
Truyền quân-dân lập một đàn (tàng?)
Đắp nền tĩnh-độ, toà vàng nguy-nga. 淨土
Trong thiềm bày đặt danh-toà 名座
Ngoài thì chẩn-tế trẻ già phát-ban 賑濟
Bảy ngày mãn tiệc (tịch) trai-đàn 満席
Mộng-trung khấn nguyện thổ-thần mọi lời:
Nửa đêm xảy thấy một người
Thanh-tân cốt-cách đứng nơi (边→居) ai-biền ✓
40b Hình-dong tựa khách cung tiên.
Nhởn-nhơ chấp-chới (giấp giới [illegible]) độ miền đang xuân
Xưng tên ~~to~~ rằng Hoả-tinh-quân 火星君
Dưới chầu (triều) Phật-tổ phụng-tuân nhủ chàng: 奉遵
«Chàng dù ra sức tìm nàng
« Đi sáu tháng đàng, tới chốn Hải-tây 海西 VL
"Song-sơn núi ấy cao thay! 双山
" Thăm tìm cho đến ngàn cây thông già.
"Vốn ta quyết chí chẳng ra
" Dù tham danh lợi chẳng tha (他) cầu thân.
"Trạng du thiết-thiết cần-cần 切勤

" Giả hình nhi-nữ tới gần thờ-than.
"Trang dù quyết bỏ thân tàn
" Chỉ trời vạch đất thờ-than thề nguyền
"Ba lần mới vẹn nhân-duyên
" Thì sau giai lão song tuyền hiển vinh.» H
Thốt 係 ⇒ 説!
Hễ thôi phút-chốc hoá hình
Hai viên 員 chợt tỉnh, sự-tình cũng như.
41a Đêm vừa canh điểm sang tư
Trang bèn lạy Phật, tạ sư, trở vào.
Kể trình mọi nỗi thấp cao
Lão 老 rằng: « Có khác lời tao ru mà! (油)
"Con đừng dể 易 mẹ tuổi già,
"Tuy chẳng mưu lược, cũng là sinh con.»
— Trình rằng: « Sở kể núi non.
"Phụ từ, mẫu đức nên còn cân-đai" 父慈~~母~~彷
Hai chàng đi tu hai nàng ở Songsơn
Tan đàn (壇) đã 吧 hết ai ai,
Hồi công Hoà-thượng, ơn người chúng-tăng. 回功
Trong ngoài dọn-dẹp lâng-lâng,
Có tiền hồi hướng (回向) so bằng hậu 厚 thay!
Tế rồi mới ~~gi~~ chọn được ngày
Hành-dùng gánh sách, tớ thầy trẩy đi.
Lòng chàng thương khách nữ-nhi.

Kể gì sương-tuyết, kể gì công-lao
 Đêm-đêm trông nguyệt, đợi sao
Rút (捽) đường khôn nhẽ, chước nào thấy nhau.
11b Đêm-đâm (ngày?) [illegible] kể có xiết đâu
Khi qua Cửu-đạo, khi thâu Ngũ-hồ 九道 五湖
 Thương nàng, bao quản đói no
Anh em bàn-bạc nhỏ to thở dài.
 Tai nghe những tiếng Như-lai
Trẻ già thì cũng chỉ (tỏ) ~~trơ~~ lời Nam-vô
 Này là Tây-trúc Phật-đồ
Đường trường sáu tháng, ngày vừa đến nơi 尼.
 Hỏi thăm gần địa-phương này: 尼
« Song-sơn chốn ấy Hải-tây đâu là? » 双山 海西
 Ai ai chỉ-bảo sơn-hà:
« Vạn-sơn núi ấy thật là Song-sơn.
 " Hải-tây lại ở gần sườn
Ra vào chỉn 㐱 khổ, nhân-gian khôn trèo 𨅹. »
 Khéo lên thì đến đầu đèo,
Truyền quân ai biết nẻo nào ấy vay.
 Trạng thì truyền sắm thang mây,
Cũng mon-men được tỏ thấy mà lên.
12a Chọn người mạnh-bạo hướng-tiền 向前
Còn quân gánh xách tới miền Hải-tây.

Thẳng vào kể mười chín ngày,
Lên cây, vịn 援 đá sứt-sẩy 窒磋 cả mình
Cũng đi, cũng thảm-thiết tình
Công-phu bao quản liều mình gian-nan.
Lộ (lố ra!) là 路罢 vừa 皮 tỏ thiên-nhan(1) 天顔
Ngàn thông sức 直 thấy toà vàng Linh-tiêu. 灵霄
Bốn bề chẳng chút gió reo
Động niềm Nàng, mới 㒵 đam chiêu 窞招 chóc-mòng

Hai chàng gặp hai nàng ở động sơn

Bây-giờ ghé mắt(2) dòm trông.
Dưới cây nghe tiếng đàn ông thầm-thì;
Than rằng: « Muôn nhẽ tìm đi.
" Hiền-nhân phi để (非底) cố-trì đường này » 賢人
« Than rằng: « Ngõ tuyệt, đường mây
" Tiên-nhân sao chẳng vịn ngay lấy rồng. 仙人
" Than rằng non nước mai thông 梅椿
" Thục-nhân xin đoái tới công anh-hùng 淑人
42b " Than rằng luống những lạnh-lùng
" Bể đào 濤 vượt khỏi vẫy-vùng với ai?
" Sợ rằng dù tán (柚傘) đường mai (梅
" Hoa sẵn nguyệt ẩn, có ai bạn cùng?
" Than rằng phượng gác, rồng cung.
" Màn the lạnh-lẽo, bình-phong ơ-hờ »

(1) là mặt trời (2) Hai nàng ghé mắt

Vẳng nghe dường đã tri-cơ 知机
Ắt là hai Trạng bấy-giờ chẳng sai.
Trình rằng(1): « Chốn ấy những ai ?
"Nữ-nhi tôi được than 嘆 lời nhỏ to.
"Đêm ngày Trạng những tưởng lo
"Tất (撻) cây, rễ (扡) núi gang (亘) cho tôi vào.
"Rộng dong, chớ sợ lòng nào
"Thuyền-quyên chi để luống 俺 xiêu (漂) anh-hùng. »
— Thấy lời, tức-giận lắm xong
« Ta đây có phải gia-trung đâu là! 家中
"Quê mùa, non nước lân-la.
"Nhân-duyên sóng bể, cửa-nhà bóng cây.
43a "Biết chi đạo tớ, nghĩa thầy
"Danh thơm ấy Trạng, cười cẩy 唭淇 ấy ta.
"Thiếu chi những khách Hằng-nga.
"Người rừng đã lắm lân-la thú cầm 獸禽
"Há đây phải chốn tri-âm
"Mà còn bàn-bạc cổ-kim (cầm) làm gì! »
*"Nghĩ rằng chước ấy chẳng vì.
"Phải bày lòng thật sự thì là ta. »
— Trạng rằng: « Non nước dặm xa,
"Anh nay chính thật họ nhà Thôi Trương
Mệnh cha đã kết duyên vàng

(1) vắn lời hai chàng

"Nàng còn nghĩa tiết thờ chồng
"Thì anh cũng quyết sắc-không 色空, quản gì »
44a Thấy lời giải 𤇊 hết vân-vi,
Bây giờ nàng mới trình thì 時 Trạng nguyên:
"Lòng dù vui thú lâm-tuyền,
"Dứt 撻 đường trần-tục tìm miền Cửu-cung 九宮
"Kẻo còn phải nỗi long-đong (𨧟)
"Làm chi cho nhọc anh-hùng tốn công.
"Lạy Từ, lạy Trạng muôn trùng,
"Ai-ai chẳng muốn vẫy-vùng cửa son.
"Trót đà chỉ 指 (thề 誓?) với nước non.
"Đâu tro 𤈜 mặt mất(?) nào còn nên thân.
"Hay chi duyên nợ ái-ân
"Hay chi ả-ải nâng khăn dạo thường. 奉案
"Trạng là vóc ngọc mình vàng
"Thanh-tân lại lắm (sánh (𡥵→𪀄)) phi-phương mới mầu.
"Chúng tôi ~~nước~~ mưa (渃→湄) nắng dãi 𤏶 dầu.
"Mặt dơi hơi cú giám hầu-hạ chi!
"Thế thì đành nhẽ thế thì
"Muôn trông lòng Trạng, ơn vì (日) đến đây.
44b "Hoa hèn bần-tiện cỏ cây
"Hỏi chuộn (chồn) 蚌 đâu giám sánh (聘) bay phượng rồng
"Dễ ép duyên, dễ ép lòng

"Dù đeo-bòng, chẳng đeo-bòng nữa đâu.
"Trang dù lấy thế ~~kiếp~~ cướp nhau
"Đã đành dưới giếng trên lầu, quản bao »
Hai nàng thuận nhận lời — Trang rằng: « Đất rộng trời cao
"Thân đấy chẳng 主 tiếc, xem sao thân này.
"Nguyền rằng đồng-tử 同死 ở đây
"Kiếp sau ta sẽ rồng mây một đoàn.
"Cho cam Tư-mẫu mệnh truyền
"Thảo (草→討) ngay khôn ~~mẽ~~ lưỡng tuyền hoà hai.
"Sống mà nghĩa lạt, nguyền phai
"Rằng sao quân-tử tài trai anh-hùng!
"Há rằng ngẫu-nhĩ tương phùng 偶爾尒
"Rằng lòng đam (沈→耽) sắc, rằng lòng tham thanh. 清
"Duyên này thấu đến trời xanh,
"Nghĩa này lòng cũng thần-linh tỏ-tường
45a "Chu Hàn lại kết tơ vương 周韓
"Trương Thôi tư-mẫu lòng thương lòng sầu 張催
"Kiếp này chưa bén (交) cùng nhau
"Cũng như thuở chửa sang giàu chưa sinh ~~thì~~
"Truyền quân về bước tin trình
"Hai ta chỉ quyết liều mình Song-sơn »
— Nàng nghe tỏ hết nguồn-cơn:
"Làm chi đảo-đảng cho sờn trượng-phu!

Trình rằng: « Vụng dại mê-ngu.
"Và cha xưa cũng cửa nho danh-thần
"Thế sa, luy kịp (及) chung thân
[cập written above "kịp"]
"Rưới 洒 nhuần như gội lang-quân đem về.
"Miệng phàm 咀几 được giọng 重 hương nghê
"Thân tàn lại được dự kề thiên-hương. 天香
"Bây lâu 數→數 (tai??) xót 悴 phận, thẹn hương,
"Chữ tề-mi, chữ cương-thường làm sao. 齊眉
"Đã bao-dong phận má đào,
"Có thương, lấy nước ngọn Tào 漕 rửa cho.
56 "Trọn mình giữ phận bo-bo.
"Thế-nho gần bến, cửa nho sân Trình 世儒
"Nhẽ đã vâng tỏ sự-tình
"Lấy chi dấu-tích bằng hình, bằng tin (朋, 朋) »
— Rằng: « ngày phó là ~~tất~~ giữ-gìn (giữa chiến?).
"Phong long thơ ấy còn in tấm lòng
"Bốn bài thơ đọc dòng-dòng,
"Ấy là đạo gái tam-tòng tao-khang.
"Anh đã được đội ơn nàng
"Nhân-duyên được vẹn, Huyên-đường được vui. »

Cùng nhau dọt ngọc xụt-xùi (淚涙 → 淚涙)
Trên cây Nàng mới xuống ngồi thở-than.

*Tuy rằng lấm cát gian-nan
Hồng nhan vẫn hãy hồng nhan kém gì.
Khen cho ăn-uống của chi! K
Càng tươi nhan-sắc, càng xuy tinh-thần
Đưa nhau ra chốn hải-tân 津
Cùng lên xe kiệu ân-cần vu-qui.
46a Khi đi sáu tháng nhật-kì
Khi về bốn tháng tinh-phi dịch-đình 星彩驛亭.

Cả hai nhà gặp nhau Hai chàng về gặp hai mẹ

張 sai quân-sĩ tiếp-nghinh
Thầy cùng 拱 hai Mẹ vui tình hợp duyên.
« Mừng con rày đã vạn-tuyền
" Sở cầu như ý, sở nguyện tùng-tâm
" Cầm lành gảy[2] với tri-âm 琴
" Hai con, rày đã mừng-thầm bốn con.
" Đến 典 nhà tử đã nước non
" Dù ăn dưa muối bằng ngon thịt dò
" Chẳng còn, già ý 倚 cũng no
" Chẳng sang, già cũng sẵn kho của đây. »
*Trông con đứng cửa ngày ngày
Thầy cùng lên ngựa tốc ngay đón đường
Bỗng liền vừa gặp hai chàng
Đứng xuống bên đàng tự lễ tôn ti 叙礼尊卑 vl

Mẹ con mừng rỡ (惵) xiết chi
Ôm đầu mà khóc nhuốm xuy 吹 chan-dào 滇霪
46b « Một mình không những lao-đao
" Hay đâu trúc lại trồng vào lãng mai
" Tưởng biết bao nỗi vấn dài
" Sáng cùng Thời-mẫu hôm-mai có lòng
" Khác-giờ mẹ những chóc-mòng
" Phỉ chí cam lòng quân-tử Thường-nga 嫦娥 vl
" Nhìn càng nước mắt nhỏ sa (車).
" Con đi con để mẹ già cho ai? »
— Tạ từ bên ngõ mọi lời
" Bể cạn (津→泮), non dời tơ-tóc giám quên. vl
" Sự mình đeo thói thuyền-quyên
" Song suy sắc cũng (庄戈→) tiết-nghì.
" Tôi cùng chàng, nghĩa cố tri
" Sợ vì Mẫu-mệnh, thương vì công-phu »

Hai chàng sang thăm phủ họ Chu

Cùng nhau bàn-bạc duyên-do
Hà-Đông thoát đã ngựa dù đến nơi
Sang đây, lại đây tới-bời
Cùng tiệc khuyên mời, cùng họp bạn loan 鸞→團? vl
47a Hai chàng bàn bạc lo toan
Trang mới tái-hoàn về đến Hà-đông. vl

Cùng nhau sắm-sửa lễ dùng
Hẹn ngày mới tẩy đến cung Đông-thành 東城.
Lầu kia, gác nọ đường tranh,
Sửa-sang hòn-thửa Tướng-công tại thì 在時
« Ông bà xưa đã xa đi
" Xét cho đến chúng tôi thì lỗi ngay.
" Cha xưa là đứng hiền thay,
" Cơ-đồ đem lại nghiệp này cho nên.
" Nhưng tôi biết lấy chi đền,
" Mới bày phục-lễ vạn-tuyền cam công. » 服礼
Thắm-hoa cũng vóc 紅 hồng huân 紅纁.
Đủ đồ tế-khí, tới tuần phó-trướng
Dân về phục-sự thôn-hương
Phát tiền, phát gạo, nào còn tiếc chi
Phủ, châu, Quận, huyện thông-tri
Cỗ bàn tiếp đãi đều thì no say.
478 Khen người trung hiếu thảo ngay.
Hai quan tướng-quốc đáng tay miếu-đường
Trang về nhà họ Hàn, xã tối kẻ thù
Việc rồi xong tóc, xong tang
Mở-mang bờ-cõi, mở-mang cơ-đồ
Nhà Chu vặc-vặc thanh-đô 周
Em sang Hàn-phủ liệu lo việc nhà 韓府

Vợ chồng vâng mệnh trẩy ra
Đến nơi Hàn-phủ cảnh đã đổi thay.
Quân dân xây đắp đêm ngày
Họ hàng, tổng huyện mừng rày ninh-cư 寧居
Bạc tiền cấp dưỡng kẻ dư.
Dân no, quân đủ, sớm trưa giúp ([illegible]) dùng
Đời tuần tế-lễ Hàn-công
Gia-đường tu-tác ngoài trong làu-làu 修作
Chu Hàn hai gái qui tàu
« Phận sinh làm gái hơn đâu ([illegible]) con trai »
Ông bà Trạng lại tới nơi,
Giúp công, giúp của, trong đời khôn ba
48a Những quân ngày trước gian-tà,
Sai ra, chàng bắt vào nhà hỏi-han
Xưng rằng: « Trót 𠇍 đã cả gan,
« Tội cam vạn tội, giám toan nhẽ gì! »
« Thấy khi nàng đã sa cơ
Những ngẫ ([illegible]) tiền bạc, nào ngờ ([illegible]) vinh hoa 華 (huê)
Tư nghe tin, chúng kinh-nghi 驚疑
Phục tình 伏情 đốn thủ 頓首 giám hề chối 𡀳 đâu
« « Muôn trông đức đại, nhân cao, 德大仁高
« Khoan thứ nhẽ nào sống được làm tôi! »
Trạng rằng: « Tớ dù tam khôi.

"Nhẽ thì hành-pháp cho rồi gian-manh 行法 奸萌
"Chúng đà thú thật, ~~thú~~ tự tình 叙
"Mấy người bị thác, thường 償 mình ~~cho~~ xong.
"Của nhà, của-cải ngoài trong,
"Xá cho làm phúc, gọi đồng hàng-thần"
Thấy lời hậu-đức, rộng nhân 厚德.
Vâng ~~nhờ~~ chỉ-giáo toàn-thân muôn đời.
48b Kết cỏ, làm tớ, làm tôi
Từ rày thủ phận, làm người thiện-lương.
Tiếng đồn châu quận đã vang.
~~Cha~~ truyền con nối để gương xa gần.
Dấy đây nước trí, non nhân
Đã thì mãn 時晚, lại thì tân 時新 lạ-lùng.

Lập đàn cam phủ, tạ ơn thầy

~~Trong~~ ngoài sắm sửa lễ dùng,
Lại làm thất thất (tích, 7?) t t tuần. trung trai-đàn.
Trước yên tông-tổ Chu Hàn 宗 祖.
Sau yên những đứa ([illegible]) bị nạn ngày xưa
Cho yên hồn phách sớm trưa
Thiên-hương nhuần. đượm, mọc mưa dồi-dào
Bấy lâu (數 → 數) luống những khát-khao
Giả mần gieo đạo, phỉ sở bình-sinh.
~~Trong~~ Tiếng đồn dậy khắp thị-thành,

Trương, Thôi hai Trạng lòng lành hơn cha.
 Kẻ thì thoát tội Diêm-la
Người thì hưởng phúc tuổi già ấm no.
49a Trong thì niệm chữ Nam-vô
Ngoài thì Chẩn-tế ([illegible] → [illegible]) phát cho cô-bần
 Lại làm tế lễ bách-thần
Có lòng phù-hộ ân-cần bảo-tin
 Vạn tuyền bốn họ bình yên
Nữ-tiền, (phụ?) nữ-tắc, dâu hiền thảo ngay
 Việc xong, rồi tạ ơn thầy
« Muốn chi được nấy Trạng rầy giúp cho. »
 Rũ lâng-lâng mọi nỗi lo
Trạng 狀 phô sắc nước, danh phô hương trời.
 Chu Hàn tuy ở đôi nơi
Cùng người tử-phủ, cùng người lầu son. 紫府 (phủ-bá)
 Kể làm chi nỗi nước non
Trời còn công-nghiệp hãy còn hẵn-hoi.
 Làm chi cho nhọc đàn tôi 彈
Mặt bể chân trời tận ý mới ra. 尽意
 Lọ là ta quyết chí ta
Làm chi khăng-khít nét-na (惶那 → 惶.) với lòng.
49b Trình rằng: « Đành phận má hồng
Lọ là quân tử ve ong 蝎蜂 bác chi. »

"Ta xem thế-sự yêu-vì
"Phải vì nhân-nghĩa, hay thì sắc thanh 色声
"Thiếp nay dòng-dõi tướng-khanh,
"Thế sa, song chí-khí đành 停 chẳng 左 sa
"Một là dự (預) tiếng nhục-nhã,
"Cố thân 顧身 cầu hạnh 求倖 danh-gia quí-quyền
"Hai là trót 啐 nặng lời nguyền
"Vâng lời phụ-mệnh giữ tuyền đạo ngay.
"Ba là sợ thế nước mây
« Ra điều ép-uổng có thầy 戾 cho người. »
"Được 特 thời chẳng lại chê cười
" ~~Đố~~ nhân 婦人 gian 間 có mấy người bao-dong
"Bây-giờ con đã hóa rồng
"Ngược ~~xuôi~~ cũng mặc, đục trong cũng đầu.
"Nghĩa sâu đành giả ơn sâu,
"Làm cầu ai nỡ cất cầu mà lo.
50a "Vậy nên chẳng giám đắn-đo
"Biết lòng quân-tử giám dò sâu-nông »
Một niềm kín cải lan-phòng h
Kẻ chăm khuê-các, người chăm (針→) việc triều v
Đã vâng 制吩. nể thương yêu
Lửa xuân chẳng nóng, nước Nghiêu chẳng tràn 瀾 h
Xôn-xao rước huệ, chào lan h

Một người nhân-nghĩa tày ngàn vũ-phu. 武夫

Cả nhà vào kinh gặp vua

Hẹn ngày mới tới Thanh-đô
Cửu-trùng chầu-chực, công cô 姑 phụng-thờ
Sạch trong chẳng bận tanh-nhơ
Triều-đình yêu-mến, cõi-bờ kính-cung 敬恭
<u>Lễ dùng</u> bái tạ Cửu-trùng
Chúc câu Vạn-tuế vô-cùng bất-thăng 無穷不勝
Ơn trên lượng rộng, <u>thăng hằng</u> 升恒
Phò nghiêng chữa lệch lại bằng-phẳng nay.
Tình-duyên ấy, đất nước này
Bĩ thời <u>thì</u> thái, có ngày hiển-vinh.
50b Phán rằng: « Trẫm nhớ Tiên-sinh
" Một nhà cả nước triều-đình kỷ-cương
" Đã nên giai lão tao-khang
" Nghĩa nhân bể rộng, dải vàng non cao
" Kẻ khoe trinh-nữ giá cao
" Anh-hùng chí-khí câu Ngao 句鰲 chẳng <u>bì</u> (vừa) »
Sắc phong ban-trĩ bây-giờ
~~Thái~~-phu (太→大) nhất-phẩm Khu-cơ nhà vàng 樞机
Trong triều ngoài quận nghênh-ngang,
Danh lừng bốn bể, tiếng vang chín trời.

Cả nhà tốt đẹp vẻ vang

Hai nàng sinh được bốn trai
Hai người quê mẹ, hai người quê cha.
Gánh hai cây đức rườm-rà
Cả khôn ứng-thí đồng khoa bảng rồng
Thi thư truyền-dõi tổ-tông
Thái bình nước có anh-hùng tài khoe
Dân đều qui-chính 歸正 khử tà 去邪
Một nhà ngư-thủy, một tòa long-vân
57a. Khen cho Tài-tử Huệ Ân 惠恩.
Chẳng mê sắc nước[(1)] chuyên-cần thảo ngay.
Lòng lâm công-đức vẹn tày
Ơn đền, nghĩa báo, đêm ngày hằng lo.
Nhờ lời hai mẹ ~~nhủ~~ dặn-dò
Phu-thê trọn đạo, tông-đồ phong-quang 宗圖風光
Lại khen sắc-sảo 當巧 hai nàng
Hay bề thảo-~~bát~~ vát 操扒, biết đường thủ-thung
Tài nên tài, đã anh-hùng
Nghĩa nên tiết nghĩa, nữ-trung ở đâu
Hai Thù chỉn thật nhiệm-mầu
Dạy con chẳng chút sót đâu vẻ-vang.
Vậy bên đó (此) được hai nàng
Mẹ đà đáng mẹ, con càng đáng con.
Thầy đà nên đạo sư-tôn. 師尊

(1) 浩 → 懃?

Dạy con rồi lại thần-hôn hai Tư. 晨昏 1790
Thông thay động tĩnh khởi-cư 起居
Ở ăn cũng lịch, ngôn-từ cũng trai.
51b = Danh-sư tài đã nên tài
Thấy trong tích cũ mượn lời chép ra
Nghĩa nhân phúc đức một nhà 1795
Tổ tông tích-đức sinh ra con hiền
Thanh nhàn làm bạn bút nghiên
Hứng thừa mượn ý ([illegible]) thánh hiền chép chơi. 1798

Dẫn

Cái chuyện

Trương-công quê ở Hà-đông và Thôi-công quê ở Hà-tây ~~đ~~ là bạn thân, cùng làm đến chức tam-công. Hai ông đều sinh ~~ba~~ con trai: Trương Ân và Thôi Huệ. Hai ông trí-sĩ về dạy con rồi cũng mất.

Trương Ân bàn với Thôi Huệ rước mẹ đến Hà-đông cùng ở với mẹ mình, để hai anh em cùng làm bạn học với Thầy tại đó.

Đến khoa thi, Thôi Huệ xin ở lại hầu hai bà, để Trương Ân đi kinh ~~thi~~ dự thi.

Dọc đường, Trương Ân nghỉ chân cạnh dinh của ~~hai ông~~ thừa-tướng họ Chu ~~và họ Hàn~~. Nguyên Chu với ~~cùng~~ bạn là thừa-tướng họ Hàn đã cùng trí-sĩ ở đó. Hai ông đã sinh hai gái là Xuân Dung và Xuân Đông. Hàn-công mất, Chu-công nhận Hàn Xuân Đông làm con nuôi. Hai cô đến tuổi lấy chồng. Khi Trương Ân qua đó thì trời mưa, hai cô đề hai bài thơ vào lá bàng rồi thả xuống nước. Trương Ân bắt được thơ, họa lại rồi thả lá xuống nước cho chảy vào trong dinh. Hai cô thấy thơ họa, bèn lấy trình Chu-công. Chu-công cho mời Trương Ân tới, hỏi ~~mới biết~~ tông tích rồi định gả hai cô cho Trương Ân và Thôi Huệ. *Trước đó Trương có thấy câu sấm ở miếu báo sự đậu đạt và nhân duyên này, cho nên Trương nhận lời, nhưng xin đi kinh ứng-thí. Ra đó

lại gặp Thôi Huệ cũng ra, vì thấy thay chàng phụng-dưỡng hai bà mẹ ở Hà-đông. Hai chàng thi đều đậu, Trương đại Trạng, Thôi đậu Bảng nhãn. Vua định gả công chúa, nhưng sau biết rằng hai chàng đã định duyên, cho nên lại thôi.

Trong khi ấy, Chu-công mất, tụi cướp định cưới hai nàng Chu Xuân-Dung và Hàn Xuân-Đông. Các cô bèn quàn táng cha và chạy trốn vào rừng định đi sang Hà-đông đến nhà bà Trương. Qua rừng gặp cọp, nhưng cọp che chở cho và dẫn đi tới Hà-đông. Vừa lúc ấy, hai bà Trương, Thôi, đều mắc bệnh nguy-kịch. Hai nàng giả làm người lạ tới chữa cho khỏi. Hai bà muốn giữ các nàng lại làm con nuôi và gả cho hai chàng. Nhưng khi nghe hai chàng sắp vinh-qui, thì hai nàng cho rằng mình nay nghèo khó không xứng với hai chàng nữa, bèn bỏ nhà ra đi vào rừng núi Song-sơn.

Hai chàng Trương Thôi ~~vinh qui~~ trẩy về; dọc đường qua phủ Chu-công thấy bị điêu tàn. Có thần báo mộng cho biết căn duyên. Hai chàng cất táng Chu-công, rồi định dò tin hai nàng. Giữa đàng, hai chàng lại gặp hổ chỉ ~~chỗ hai nàng~~ ẩn-náu kể chuyện hai nàng đã về Hà-đông.

Hai chàng bèn trở về Hà-đông ~~gả~~ sum họp với hai mẹ. Bây giờ mới biết chuyện hai nàng đã qua ở đó và chữa bệnh cho hai mẹ. Hai bà bèn bảo hai chàng

Société asiatique. B16 Poèmes et Poésies amoureuses. Tome 3

河東河西張周催韓語傳 ? 古2 hay

黎貴奉寫

卷內共五十三張

phải Thần-hàng vào Song-sơn mà tìm hai nàng.

Hai chàng bèn lập đàn cầu, thần bảo phải tới Song-sơn. Hai chàng vào đó, gặp hai nàng, bèn mời về. Hai nàng tuy có do-dự, nhưng sau theo về.

Cả nhà sum-họp, ~~tới Hải-tây~~ sửa sang nhà cửa ở Hải-đông và Hải-tây rồi vào giúp vua.

Bản nôm. Sao lại cho Landes vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 19. Chữ viết khá đúng, rõ, chỉ sai một số ít chữ vì tự-dạng, và một vài nơi (thành vô nghĩa).

Văn. Cốt chuyện rất tầm-thường, còn văn cũng chỉ là vần kể chuyện. Riêng từng câu, thì văn khá tròn-tru, rõ ràng. Nhưng mạch-lạc nhiều nơi lủng-củng.

Thời-kỳ làm ~~Có~~ Tiếng có nhiều tiếng xưa; ví-dụ

ca (nơi), dưng (làm), hưng thừa, làm xong (thật là, rất là)

chỉn (rất) Kham (kẻ chịn

Chữ nôm có lẽ cũng khá xưa, nhưng sao lúc lại thường thay bằng chữ mới (庄 chẳng → 拯)

Húy: các chữ 暎, 宗, 時 đều có. Nhưng chữ 時 có một nơi thì phải đọc ra "Thời" mới sát vần. Nhưng ~~thực~~ trong chuyện có nhiều câu không hợp vần lắm, cho nên sự kia không đủ bảo rằng ~~chữ~~ trị, ~~時~~ Thì chắc là húy.

Nói tóm lại, văn có thể là văn đời Lê(?), nhưng không chắc. Còn tác giả là ~~ai thì không một~~ ai cũng không biết. Nhưng đây ắt có lẽ là chuyện lấy ở sách Trung hoa.

Mục lục

I. Trương Thời và hai mẹ ở chung. [1-252]

1. Nhập đề — 1-8
2. Trương công và Thời công sinh trai — 8-52
3. Trương công và Thời công về trí sĩ rồi mất — 53-116
4. Trương Ấn và Thời Hựu bàn với nhau — 117-198
5. Trương bà và Thời bà về Hà Đông ở chung — 198-252

II. Trương Ấn đi thi, nghỉ chân ở dinh Chu-công, họa thơ thuở nhỏ [253-408]

1. Trương đi thi. Thời ở lại — 253-298
2. Trương dừng chân ở dinh Chu-công — 299-344
3. Vào đền thầy sám — 345-360
4. Họa thơ ~~Xuân~~ Xuân Dung và Xuân Đông — 361-408

III. Chu-công định hôn cho Xuân Dung và Xuân Đông

1. Hai nàng đem thơ trình cha, — 409-486
2. Mời Trương trở lại ~~Chu phủ~~ dinh — 457-508
3. Gả X. Dung cho Trương và hứa X. Đông cho Thời — 509-598

IV. Trương trở lại kinh đi thi, gặp

1. Trương trở lại Chu-công — 599-630
2. Gặp Thời, cùng đạt — 631-670
3. Hai chàng tới phủ gửi và về ~~thăm Chu-công~~ — 671-710
4. Qua thăm ~~Chu-công~~ dinh ~~thì nhà đã tan, người đã vắng~~ — 711-722

V. Chu Công mất, hai nàng trốn cướp đi tới Hà-Đông

1. Tang và họa — 723-752
2. Hai nàng lạy thầy tôn sư — 753-788

3. Hồ dẫn đường đi Hà-đông 789 – 884.

VI Hai nàng chữa bệnh cho hai bà Trưởng Thời

1. Gặp lão-bà mách chuyện hai bà và hai chàng 885 – 926

2 Hai nàng chữa bệnh cho hai bà 927 – 984

3 Hai nàng từ-giã ra đi 985 – 1036.

VII Hai chàng vinh qui về Hà đông

1- Đi về 1037 – 1062

2- Qua phủ Châu, lạc tang Chu-công 1063 – 1146.

3. Đi tìm hai nàng 1147 – 1188

4. Hồ mách chuyện hai nàng đi Hà đông 1189 – 1246

VIII. Hai chàng về Hà đông

1. Về đến Hà đông 1247 – 1262

2 Bách ba kể việc tiên-nữ chữa bệnh 1263 – 1340.

3 Hai bà bảo đi tìm hai nàng 1341 – 1380

IX. Hai chàng đi tìm hai nàng

1- Hoả-tinh-quân bảo mây dẫn đường 1381 – 1422

2. Đi Songsơn gặp hai nàng 1423 – 1546

3 Hai nàng nhận lời mời về 1547 – 1596.

IX. Đoàn viên sum họp

1- Trở về Hà đông 1597 – 1626

2- Sang dinh họ Chu 1627 – 1650

3. Về Hà Tây 1651 – 1690

4 Tạ ơn Thầy và sum họp vui vầy 1691 – 1710

5- Trẩy kinh giúp vua 1711 – 1798

Tiếng cổ hoặc đặc biệt

Ả anh 1248
Anh tam 518, 1235
Âm = ấm ỉ? 896
Ban = buổi? 347
Bạn loan 1630
Bẵm-bế: bồng bế 980
Bẵng chừng 794, 1173
Bằng dường 394
Bẵng hình 552, 1332
Bẵng nay 984, 1143
Bộ: họa thơ 426, 513 bồi bổ 397
Cả: nói 472, 646, 754, 1210
Cầm: ~~giữ lại khỏi cho~~ danh dự 4, 722
Cầm lành 琴 1601
Cấm-cách 314
Có thấy 1732
Cơ-cầu: 709, 1379
Cơn: cơn mưa 361
Cục lòng: 1220
Cửa thưa 251, 459, 532
Cưỡi cây? 1488
Chan dao 1612
Che lấm cấm lỡ 864
Chỉ: thế 1438, 1531
Chỉ-chu 1242
Chiếu-đễ 1115, 1387
Chỉn 496, 673, 1785
Chói mõng 1460, 1617
Chữ đồng 58
Chiếu-chùng 944, 976

Chừng 566, 1196, 1569
Chuốc chi 480
Dã: hết, xong 93
Dan tay 763, 865
Dể: khinh 1419
Dể-dưa: dửng dưng 267
Dặm nghìn 236
Diệu vợi 182
Dắng 159
Dòm-hành 1170
Dong-dong: quê mùa 1240
Dõng-dõng: rõ ràng 1071
Dộng: tâu, thưa 714
Dùng: làm 842, 872, 1660
Dũng làm: 167
Dùng hành 198
Duềnh nhâm 382
Dưa dể 267, 920
Dưới giếng trên lầu 1546
Dựng: dừng 1205
Đa-đoan 538
Đãi-đằng 444
Đãi-đồng 354
Đành: chắc hẳn 51
Đề chừng 516, 1036
Đam chiếu 1460
Đeo sầu 1007, 1125
Đeo bồng 1544
Đề huề 1039
Đình-pho 446

Đoan : chính 28
Đỗ : nhiều 790
Đóó : trốc, đố 123
Đội : cảm ơn. 814
Đồng thân : quen nhau 60
Đột : bạc 128
Đứng lỗ 408
Đượm nhuần 260
Gác yên : 95
Giọng : mũi 1571
Han hỏi 1079
Hanh dung : 628, 1095, 1428
Hảo : hay 927, 1273
Hầu : có thể 800
Hầu : có thể, cũng 869
Hoà : cả 1027, 1552
Hoà : thì 120 192
Họa : may 1262
× Hiệu ốc 333
Hồng 310
Hồ dễ 928
Hổ-hang 612
Hung-hanh 745
Hứng-thừa 422, 1798
Ỷ : ấy 869, 1605
Kham : chịu 639, 641 Khá (nên) 342
Khen lao 961 khí khoát
Khôn : khó 1666.
Khởi chứng 756
Khúc nhôi 1250, 1506
Khuôn duyên 371
• Khăng khăng 1015
Lãm kỳ 1278
Lam xong 1304, 1483
Lăm 1777
Lăng loan 824
Lầm cát 1589
Lầu trang 410
Lễ dùng 1633, 1691, 1771
Lịch 1792
Liền tay 397
Long qui 759
Lồ-lộ 674
Lỗi ~~xx~~ : làm sai lời, nguyền.... 758. 787, 1100, 1638
Mảng 107, 299
Mặt dơi hơi cú 1538
Miễn : chừng 1398
Một : hoàn toàn, rất.. 448
Một khi 829, 916
Mui-mẽ 849
Muôn trông 525, 620
Muôn vàn 833
Nan 948
Não-nà 1516
Năng nhảo 978
Nét-na 1728
No 1385
Non vàng 1284
Nối không 909
Nổi (thuyền) : 185
Nỗi nước 792
Nuôi : + bậi đại danh thứ hai 1010, 1021
Nửa ngày : trưa 438
Ngả xồ 1200

Nghỉ: nó 939
Nghĩ 758 1132, 1226, 1384
Ngồi Tào 1576
Ngỗ cũ 970
Nguồi 1034
Ngừng: khóc 164
Nhà bạc cửa thừa: 251, 532
Nhẫn-nghĩ 1170
Nhiệm mầu 1785
Nhịn ngừng 755, 792, 1077
× Nhải 1163
× Nhất: hết 1330
Nhuốm trôi 1027
Nhuốm xuy (xuôi?) 1612
Phẫn thừa 452
Phổng 1167
Phố 336, 1712
Phường 600, 1102
Quả chua: vật mọn 1241
Rây-rang 796
Rất: tột 337
Rvêngtay 253, 428
Rõng: tinh 1304
Rủ thao 149
Sát sát 279
Sịch 353
Sở: thua 1137
Suối đàn 791
Sứt sây 1454
Tác: lòng 117
Tấm: lòng 6. 25, 29

Têch 879, 1094, 1307
. Tiêu-hao 1381
. Tích ninh 200
. Tinh: sạch 876
Tót. 246
Tóc-tơ: kể rõ 188
Tõan: lo 130, 614, 143, 191, 192, 456, ~~706~~, 73
Toan-đang 130, 614
Tốc: chạy nhào tới 1608
Tới: tớ 1232, 1676, 1685
Tua 341, 551, 1322
Tuế-tác 846
Tiếc-tốc 419, 731, 1195
Tưởng: nhớ 242, 357 → Thao 149
Tháo-vát 1782
Thân tàn 947, 1058, 1164
Thầy: thầy thuốc 938
Thất trực 失直 (?) 1239
Thâu: suốt, trong suốt 161, 1085
Thì: ~~với~~, ~~cho~~ cho 760 — : với 1524
Thiên-khê: nhiều 703, 1040
Thiên vàn 594, 1034
Thiết: đau 146, 190, 780, 1010, 1080
1128, 1254, 1330, 1337
Thủn: gìn giữ 707
Thốt thôi 457, 1015
Thử thung 1782
Trai: ~~[illegible]~~ đẹp, xinh 1792
Trẩy: 271 1325, 1634, 165
Vay: tài than 272, 762, 1107
Vang-vít 796

Vẫn-vi 212, 510, 1070
Vậy vay: 919, 1156
Về: hướng về, theo 18
Vì: nể 1228, 1540
Vịn rồng 658
Vóc: mình ~~1370~~ 1643
Vòng: sai; lầm 1370
Vô-vàn 676
Vời: chầy 1358

Vững dời 269
Xá: hãy 206
Xanh-vàng = hồi 596
Xây: dựng 427
Xê: xê, dời 346
Xót vay 252
Xôn 100 1064
Xuy: tiếng sáo 1592
Xưa sau 132, 789

Cỡi hạc đeo tiền
Gieo mận trả đào
Hướng nghê

Dùi (100

TRƯƠNG
THÔI
CHIẾN

張催風韓

Vẫn-vi 212, 510, 1070
Vậy vay: 919, 1156
Vẽ: hướng về, theo 18
Vì: nể 1228, 1540
Vịn rồng 658
Vóc: mình ~~1370~~ 1643
Vòng: sai, lầm 1370
Vô-vàn 676
Vời: chẩy 1358

Cỡi hạc đeo tiền
Gieo mận trả đào
Hướng nghề

Vũng dời 269
Xá: hãy 206
Xanh-vàng: hồi 596
Xây: dựng 427
Xê: xê, dời 346
Xót vay 252
Xôn 100 1064
Xuy: tiếng sáo 1592
Xưa sau 132, 789